

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CHỦ ĐỀ NGHIÊN CỨU:

**“NGHIÊN CỨU MỘT SỐ BÀI THUỐC, CÂY THUỐC DÂN GIAN
CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
TẠI BUÔN ĐRĂNG PHÔK – VÙNG LỖI VƯỜN QUỐC GIA
YOKĐÔN – HUYỆN BUÔN ĐÔN – TỈNH ĐAKLAK”**

Nhóm sinh viên thực hiện:

- 1. Nguyễn Văn Thành**
- 2. Nguyễn Hoàng Thanh**
- 3. Đinh Hoa Lĩnh**

Buôn Ma Thuột tháng 10 năm 2004

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CHỦ ĐỀ NGHIÊN CỨU:

**“Nghiên cứu một số bài thuốc, cây thuốc dân gian
của cộng đồng dân tộc thiểu số
tại buôn Đrăng Phôk - vùng lõi Vườn quốc gia Yokđôn
huyện Buôn Đôn – tỉnh Đaklak”**

Nhóm sinh viên thực hiện:

- 1. Nguyễn Văn Thành**
- 2. Nguyễn Hoàng Thanh**
- 3. Đinh Hoa Lĩnh**

Người hướng dẫn: **Th.sĩ: Nguyễn Đức Định**

Cố vấn khoa học: **PGS.TS Bảo Huy**

Buôn Ma Thuột tháng 10 năm 2004

Lời cảm ơn

Nghiên cứu khoa học là lĩnh vực mà rất nhiều sinh viên mong muốn được tham gia, đây là cơ hội rất tốt cho việc học tập của sinh viên chúng tôi. Đề tài nghiên cứu khoa học này được hoàn thành chúng tôi xin chân thành biết ơn đến:

- Tổ chức VNAFE đã hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi hoàn thành đề tài.

- Dự án Lâm Nghiệp Xã Hội - Trường Đại học Tây Nguyên đã cung cấp thông tin và tài liệu cho chúng tôi.

- Thầy giáo Th.s. Nguyễn Đức Định và thầy giáo cố vấn PGS.TS. Bảo Huy đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ chúng tôi trong quá trình thu thập và xử lý số liệu của đề tài.

Xin chân thành cảm ơn đến Lãnh đạo VQG Yok Đôn đã tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong quá trình đi lại thu thập số liệu, sự đóng góp không nhỏ của cộng đồng dân tộc thiểu số tại buôn Đăng Phốc vào kết quả của đề tài.

Buôn Ma Thuột tháng 9 năm 2004

Nhóm sinh viên nghiên cứu

1 Đặt vấn đề

Cây thuốc dân gian từ lâu đã được nhiều người quan tâm đến, đây là nguồn tài nguyên thực vật có giá trị thiết thực cho các cộng đồng địa phương trong việc phòng chữa bệnh ngoài ra nó còn có giá trị bảo tồn nguồn gen, cung cấp cho lĩnh vực dược học . . .Việt Nam là nước có nguồn tài nguyên thực vật giàu có bậc nhất Đông Nam Á, là nơi tập trung nhiều cây thuốc quý hiếm, với hơn 54 dân tộc sinh sống và họ có truyền thống lâu đời trong việc sử dụng nguồn tài nguyên thực vật trong đó có tài nguyên cây thuốc.

Buôn Đăng Phốc thuộc xã Krông Na là một buôn nằm trong vùng lõi của Vườn Quốc Gia Yok Đôn của tỉnh Đắk Lắk. Đây là buôn có các dân tộc sinh sống như: Mnông, Êđê, Jarai, Lào... đời sống của họ còn gặp nhiều khó khăn, cuộc sống của họ còn phụ thuộc rất nhiều vào nguồn tài nguyên thiên nhiên trong đó có rừng. Rừng là cái nôi sản sinh ra họ, cung cấp cho họ các loài cây từ việc làm thực phẩm cho đến các loài cây có thể tạo ra các sản phẩm hàng hoá như nhựa cây chai cục, cây làm thuốc... Đặc biệt trước đây khi sống trong điều kiện tự nhiên như vậy cộng đồng nơi đây đã có những kinh nghiệm, kiến thức quý báu trong việc sử dụng các loài cây rừng để tạo nên các bài thuốc để phòng và chữa trị các bệnh tật hàng ngày mà họ gặp phải họ không cần sử dụng các loại thuốc nào từ bên ngoài. Ngày nay đường xá đi lại thuận tiện, sự giao lưu của cộng đồng buôn với bên ngoài thuận lợi hơn, đời sống của người dân nơi đây dần được cải thiện, người dân tiếp cận với y tế xã thôn họ chuyển sang sử dụng thuốc tây từ trạm xá cho nên việc sử dụng cây để làm thuốc ít đi. Kinh nghiệm sử dụng cây thuốc hiện nay tập trung ở sự hiểu biết riêng của người già, người lớn tuổi vậy thì khi thế hệ họ qua đi thì những bài thuốc này cũng có thể bị lãng quên.

Vấn đề đặt ra là, làm thế nào để ghi nhận lại vốn kiến thức quý báu trong việc sử dụng các cây thuốc bài thuốc của cộng đồng buôn Đăng Phốc và tìm ra các giải pháp để bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc có giá trị. Được sự hỗ trợ kinh phí của tổ chức VINAPE và sự hướng dẫn của thầy giáo Th.s. Nguyễn Đức Định, sự cho phép của Khoa Nông Lâm Nghiệp trường Đại học Tây Nguyên chúng tôi tiến hành thực hiện đề tài: ***“Nghiên cứu một số bài thuốc, cây thuốc dân gian của cộng đồng dân tộc thiểu số tại buôn Đăng Phốc - Vùng lõi VQG Yok Đôn - Huyện Buôn Đôn – Tỉnh Đắk Lắk”***. Nhằm tìm hiểu một số cây thuốc và bài thuốc cộng đồng đã và đang sử dụng cũng như tìm kiếm giải pháp cho việc bảo tồn và phát triển chúng.

Lần đầu tiên làm quen với công tác nghiên cứu khoa học nên chắc chắn đề tài không thể tránh khỏi những thiếu sót mong quý thầy cô cùng các bạn đồng nghiệp góp ý để đề tài được hoàn thiện hơn.

2 Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Việt nam có nguồn tài nguyên thực vật rất phong phú và đa dạng theo thống kê cho thấy có đến 12000 loài thực vật bậc cao có mạch, các loài cây sống trong các điều kiện sinh thái khác nhau, hình thành các kiểu thảm thực vật khác nhau. Nhiều loài có giá trị làm thuốc và nhiều loài hiện nay là nguyên liệu chính để tinh chế sản xuất các loại thuốc có giá trị như: tam thất, địa liền, kim tiền thảo...

Từ trước đến nay đã có nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu các cây thuốc và vị thuốc để chữa trị các loại bệnh như: Gs Đỗ Tất Lợi(1999) trong cuốn *“Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam”* giới thiệu 800 cây con để làm thuốc; Sách *“Cây thuốc Việt nam”* của lương y Lê Trần Đức (1997) có ghi 830 cây thuốc; Ts Võ Văn Chi(1997) có cuốn *“Từ điển cây thuốc Việt Nam”* ghi 3200 cây thuốc trong đó có cả các loài cây thuốc nhập nội.... Theo tài liệu của Viện dược liệu (2000) thì Việt nam có đến 3830 loài cây làm thuốc. Nhưng qua điều tra tìm hiểu thì con số này có thể được nâng lên vì kiến thức sử dụng cây thuốc của một số đồng bào dân tộc thiểu số chúng ta nghiên cứu chưa đầy đủ hay còn bỏ ngõ.

Nước ta là một nước nhiệt đới có nhiều rừng, tập trung nhiều thành phần dân tộc sinh sống, có nhiều nền văn hoá đặc sắc khác nhau, kiến thức bản địa trong việc sử dụng các cây làm thuốc cũng rất đa dạng và phong phú, mỗi dân tộc có các cây thuốc và bài thuốc khác biệt, cách pha chế và sử dụng khác nhau. Hiện nay nguồn tài nguyên rừng của chúng ta đang bị giảm sút nghiêm trọng, kéo theo sự đa dạng sinh học cũng bị giảm trong đó có cả một cây thuốc bản địa có giá trị chưa kịp nghiên cứu cũng mất dần, vì vậy việc nghiên cứu phát hiện và bảo tồn tiến đến sử dụng bền vững tài nguyên cây thuốc bản địa là một việc làm rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Đối với các cộng đồng dân tộc thiểu số sống ở Việt Nam họ có những bài thuốc kinh nghiệm rất hay, đơn giản nhưng hiệu quả chữa bệnh lại rất cao. Đắk Lắk là một tỉnh tập trung nhiều dân tộc thiểu số (44/54 dân tộc Việt Nam) nên đây là nơi lý tưởng cho các nghiên cứu về kiến thức bản địa trong đó có kiến thức về sử dụng các cây thuốc bài thuốc từ thiên nhiên.

3 Đối tượng nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu cụ thể

Nhóm nghiên cứu làm việc cùng với cộng đồng dân tộc Buôn Đrăng phớt nhằm phát hiện ra các bài thuốc, cây thuốc mà cộng đồng đã và đang sử dụng, từ đó lựa chọn các bài thuốc quan trọng để ưu tiên bảo tồn.

- **Địa điểm nghiên cứu:** Tại cộng đồng dân tộc thiểu số buôn Đăng Phớt -xã Krông Ana- Vùng lõi VQG Yok Đôn -Huyện Buôn Đôn- Tỉnh Đắk Lắk.

- **Lý do chọn buôn Drăng Phốc:** Vì buôn chủ yếu là dân tộc thiểu số như: Mnông, Êđê.... Buôn nằm vùng lõi VQG ở vùng sâu, xa giáp biên giới Campuchia có phong tục tập quán và truyền thống lâu đời.

3.2 Tổng quan về khu vực nghiên cứu

3.2.1 Điều kiện tự nhiên của khu vực nghiên cứu :

- **Vị trí địa lý :** Buôn Drăng phốc nằm ở phía Tây khu trung tâm VQG Yor Đôn, là buôn thuộc vùng sâu, xa giáp biên giới Campuchia, từ buôn đến văn phòng trung tâm vườn khoảng 20 km, hiện tại buôn nằm trong vùng lõi của vườn, nằm bên dòng sông Sêrêpốk về phía hữu ngạn.
- **Địa hình :** Tương đối bằng phẳng xuyên suốt qua buôn, độ dốc tương đối nhỏ: 0-5⁰, mực nước ngầm thấp khoảng 5-12m thuận lợi cho trồng trọt và lấy nước sinh hoạt cho buôn .
- **Đất đai:** Tổng diện tích đất (tất cả thuộc vùng lõi): 190,25ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 93,6ha chủ yếu là đất lúa nước 1 vụ, 60,2ha còn lại là đất nhà ở, đồng cỏ, nương rẫy... chủ yếu là đất cát pha và một ít đất nâu đỏ, tầng đất chỉ dày 4-5m.
- **Khí hậu:** Nhiệt độ trung bình năm là 25⁰c, lượng mưa trung bình là 1500mm/năm, khí hậu ở khu vực có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5-10, mùa khô từ tháng 11-4 năm sau, có năm kéo dài đến tháng 5.
- **Hệ thống thủy văn:** Buôn có dòng sông Sêrêpốk chảy qua dài 1km cung cấp nước phục vụ cho sinh hoạt và tưới tiêu, còn có thể đánh bắt cá.
- **Thảm thực vật:** Đặc trưng ở đây là rừng khộp rụng lá vào mùa khô và rừng bán thường xanh, rừng tre lồ ô xen kẽ, độ che phủ tương đối cao.

3.2.2 Điều kiện KTXH của khu vực nghiên cứu :

- **Kinh tế :** Buôn Drăng Phốc là buôn vùng 3, KTXH chưa phát triển, đường giao thông từ huyện vào buôn đã được nâng cấp có thể đi lại trong mùa mưa, sinh kế của người dân chủ yếu phụ thuộc vào rừng, đời sống còn nhiều khó khăn đang được các chương trình dự án của nhà nước hỗ trợ.
- **Dân số** (nguồn: Toàn buôn có 67 hộ với 397 người trong đó:
 - Người kinh : 10 hộ , có 36 người
 - Mnông : 48 hộ, 288 người
 - Ê đê: 4 hộ , 29 người
 - Ja Rai: 04 hộ, 34 người
 - Lào : 1hộ , 10 người

Số người đến tuổi lao động cả buôn là 139 người còn lại là người già và trẻ em, có 85,2% người dân sống chủ yếu bằng nông nghiệp, số hộ phi nông nghiệp là 8 hộ.

- **Văn hóa giáo dục** : Buôn có 1 trường tiểu học, có 2 phòng học xây, 2 phòng học tạm, toàn buôn có 68 học sinh, có 65 em tiểu học.
- **Lao động sản xuất** : Đời sống của người dân phụ thuộc nhiều vào rừng đặc biệt là các hộ nghèo.
- **Chăn nuôi** : Buôn có 1 con voi, 150 con trâu, 50 con lợn, 100 con gia cầm, chủ yếu là thả rong.
- **Lương thực** : Chủ yếu từ ruộng lúa nước 1 vụ, thu nhập chính là chăn nuôi trâu, săn bắt thú rừng và đánh bắt cá tự nhiên trên sông Sêrêpốk, thu nhập bình quân đầu người khoảng 1.400.000^dng/năm, bình quân lương thực 352,5kg/ng/năm.
- **Tổ chức thể chế cộng đồng**:
Buôn có 1 Già làng, 1 Trưởng buôn là quan trọng nhất trong tổ chức quản lí thôn buôn. Buôn nằm ở vùng lõi VQG nên có ảnh hưởng rất lớn đến vườn, dự án PARC và các chính sách xã hội khác, là một Buôn đa dân tộc nên vấn đề hòa giải, giải quyết các mâu thuẫn nội bộ là điều khó khăn nên vai trò của già làng cần được nâng cao trong buôn.

4 Mục tiêu – Nội dung và phương pháp nghiên cứu:

4.1 Mục tiêu nghiên cứu và giới hạn của đề tài:

4.1.1 Mục tiêu nghiên cứu:

Đề tài thực hiện nhằm đạt các mục tiêu sau:

- Phát hiện được từ cộng đồng các bài thuốc, cây thuốc dân gian dùng để trị các loại bệnh thường gặp trong cuộc sống.
- Lựa chọn các bài thuốc, cây thuốc hay, quan trọng để phát triển nhân rộng và bảo tồn trên cơ sở lựa chọn có sự tham gia của người dân.

4.1.2 Giới hạn của đề tài:

Đề tài chỉ nghiên cứu ở một buôn Đăng Phốc còn nhiều buôn xung quanh VQG chưa được nghiên cứu đến.

4.2 Nội dung nghiên cứu:

Từ mục tiêu nghiên cứu đặt ra của đề tài có những nội dung nghiên cứu sau:

- Tìm hiểu điều kiện tự nhiên, tình hình dân sinh kinh tế xã hội của địa phương nghiên cứu.
- Khảo sát hiện trường, thu thập KTBD của cộng đồng dân tộc tại buôn Đăng Phốc về kinh nghiệm sử dụng các loại thuốc, bài thuốc dân gian.
 - Công dụng của từng bài thuốc, cây thuốc.
 - Bộ phận cây sử dụng làm thuốc chữa bệnh.
 - Cách pha chế và sử dụng cây thuốc, bài thuốc.

- Điều tra, mô tả hình thái, phân bố, thu thập mẫu, định danh các loài cây thuốc trong các bài thuốc.
- Lựa chọn những loài cây thuốc có giá trị trong các bài thuốc để đề xuất bảo tồn, phát triển nhân rộng có sự tham gia:
 - Tiêu chí lựa chọn.
 - Xếp xếp thứ tự ưu tiên.
 - Khả năng nhân rộng, bảo tồn lâu dài

4.3 Phương pháp nghiên cứu

4.3.1 Phương pháp chung

- Sử dụng phương pháp nghiên cứu tiếp cận có sự tham gia (Participatory Rural Appraisal), sử dụng các công cụ PRA, phỏng vấn bán cấu trúc (Semi Structure Interview-SSI).
- Thu thập số liệu thứ cấp có liên quan đến vấn đề nghiên cứu tại địa phương ở các cơ quan: Xã, thôn, VQG Yok Đôn.
- Cùng người dân có kinh nghiệm đi rừng lấy mẫu, điều tra trên thực địa.

4.3.2 Phương pháp nghiên cứu cụ thể

- Đối tượng để nhóm nghiên cứu chọn phỏng vấn:
Là những người già, người lớn tuổi có kinh nghiệm trong sử dụng cây thuốc
Những người đi rừng nhiều

Để đạt được những nội dung nghiên cứu trên chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Nghiên cứu về bối cảnh địa phương: Kế thừa số liệu của các đề tài trước và thu thập số liệu mới để nắm được tình hình cơ bản khu vực nghiên cứu
- Sử dụng phiếu điều tra bài thuốc, cây thuốc trong phiếu có xác định tên cây thuốc, công dụng, thành phần cây thuốc, bộ phận sử dụng và cách pha chế sử dụng (phần phụ lục)
- Cùng người dân có kinh nghiệm đi rừng lấy mẫu cây thuốc, mô tả đặc điểm hình thái, phân bố sinh cảnh các loài cây mọc chung xung quanh chúng
- Thu thập lấy mẫu cẩn thận, mẫu cây thuốc được đựng vào bì Nilon bảo quản sau đó được ép sấy khô
- Thảo luận cùng người dân xác định tên địa phương sau đó chúng tôi dùng các tài liệu tra cứu định danh tên phổ thông, tên khoa học và họ thực vật cho từng cây thuốc
- Cùng người dân lựa chọn các cây thuốc có tiềm năng để bảo tồn và nhân rộng:
 - + Họp đại diện những người am hiểu về cây thuốc, chủ yếu là những người có kinh nghiệm trong sử dụng cây thuốc, quan tâm nhiều đến cây thuốc
 - + Ghi tất cả những cây thuốc đã tổng hợp được trong các bài thuốc lên Card, cùng người dân lựa chọn sau đó xếp thứ tự ưu tiên thành 3 loại: quan trọng/

trung bình/ ít quan trọng (mặt trước ghi tên địa phương, mặt sau ghi tên phổ thông và công dụng làm thuốc)

5 Kết quả nghiên cứu và thảo luận

5.1 Lịch sử hình thành buôn Đrăng Phốk

Kết quả áp dụng công cụ PRA đã tái hiện được sự hình thành buôn qua các giai đoạn như sau:

Bảng 1: Sơ lược lịch sử buôn Đrăng Phốk

Thời gian	Các sự kiện chính
1970- 1985	- Buôn di cư nhiều lần (1970: ở Đakming, 1975: ở Suối Két , 1976: ở Đrăng Phốk, 1977:ở Đakming, 1980: ở Nhà xược , 1985: trở về Đrăng Phốk) - 1985: Buôn Đrăng Phốk chính thức được thành lập(với 33 hộ và 105 khẩu)
1986-1990	- Dân sinh sống chủ yếu tự cung tự cấp. + Săn bắt hái lượm. + Trồng lúa nước , lúa rẫy. + Lâm trường khoán quản lý và bảo vệ rừng.
1991-1995	- Lâm trường làm nhà cho dân - Người dân bắt đầu biết áp dụng KHKT vào sản xuất, chăn nuôi - Chăn nuôi hộ gia đình phát triển : Trâu, bò, gia cầm,...thu nhập kinh tế bằng các hoạt động: Săn bắt động vật rừng, đánh cá trên sông Sêrêpốk, thu hái lâm sản ngoài gỗ
1996-2000	- Dân số buôn tăng (54 hộ và 302 khẩu) - Nhà nước hỗ trợ đầu tư vốn cho sản xuất. - 1999 Buôn nhận được chương trình phát triển thôn buôn (điện, đường, trường trạm,...)
2000- 2004	- Buôn Đrăng Phốk nằm trong vùng lõi của VQG Yok Đôn (sau khi mở rộng VQG) - Được nhà nước hỗ trợ giống bò (22 con/ 44 hộ, 1 con/ 2 hộ)

Như vậy qua các giai đoạn từ 1970-1990 người dân sống chủ yếu tự cung tự cấp phụ thuộc nhiều vào rừng. Giai đoạn từ 1991 đến nay buôn được nhà nước quan tâm hỗ trợ, kinh tế của các hộ tại địa phương có phần được cải thiện tuy nhiên nhìn chung đời sống bà con vẫn còn nhiều khó khăn, cuộc sống còn phụ

thuộc rất nhiều vào rừng trong đó việc lấy cây thuốc để chữa bệnh vẫn được duy trì thường xuyên, họ ít dùng thuốc tây bên ngoài.

5.2 Kết quả nghiên cứu các bài thuốc, cây thuốc

5.2.1 Tổng hợp các bài thuốc theo nhóm bệnh

Từ phương pháp điều tra phát hiện về các bài thuốc, sau khi tổng hợp và loại bỏ các bài thuốc trùng nhau đề tài đã xác định được 46 bài thuốc với tổng cộng 69 loài cây mà người dân tại cộng đồng đã sử dụng để điều trị từ các bệnh thông thường đến các bệnh có thể gọi là nan y. Trên cơ sở các nhóm công dụng gần giống nhau hay giống nhau chúng tôi đã phân chia thành 9 nhóm các bài thuốc. Mỗi bài thuốc được thu hái, bào chế, pha chế từ một loài hay nhiều loài cây khác nhau, một cây có thể là thành phần của nhiều bài thuốc khác nhau.

Bảng 2: Tổng hợp các bài thuốc theo nhóm bệnh

Stt	Nhóm bài thuốc theo nhóm bệnh	Số bài thuốc
1	Nhóm bài thuốc dùng cho phụ nữ sinh đẻ	9 bài(1-9)
2	Nhóm bài thuốc trị sốt rét, hạ nhiệt	5 bài(10-14)
3	Nhóm bài thuốc trị ho, viêm phế quản...	4 bài(15-18)
4	Nhóm bài thuốc chữa đau bụng tiêu chảy, kiết lỵ thương hàn	8 bài(19-26)
5	Nhóm bài thuốc chữa đau bao tử, sỏi thận	3 bài(27-29)
6	Nhóm bài thuốc trị đau lưng, đau khớp, tê liệt, mỏi chân, bong gân.	5 bài(30-34)
7	Nhóm bài thuốc bồi bổ sức khỏe, an thần mất ngủ	3 bài(35-37)
8	Nhóm bài thuốc chữa trị mụn nhọt, hạch sưng đau	3 bài(38-40)
9	Nhóm các bài thuốc khác	6 bài(41-46)

5.2.2 Các bài thuốc đã phát hiện được

Dưới đây trình bày các bài thuốc phát hiện từ cộng đồng, trong mỗi bài thuốc trình bày tên cây thuốc theo thứ tự tên phổ thông, tên M' Nong (tơm), tên Lào (Cốc) sau đó là bộ phận sử dụng và cách chế biến sử dụng. Các cây thuốc đã được sắp xếp và mã hóa (từ CT1 đến CT69) để tránh nhầm lẫn đối với những loài có nhiều công dụng, dùng trong nhiều bài thuốc. Các bài thuốc được sắp xếp theo thứ tự từ 1 đến 46 gồm công dụng chữa trị, có kèm theo tên người cung cấp thông tin về bài thuốc để tiện cho việc sử dụng và nghiên cứu về sau:

5.2.2.1 Nhóm bài thuốc dùng cho phụ nữ sinh đẻ

- **Bài thuốc số 1:** Dùng cho đàn bà sinh không có sữa: (Hphan - 44 tuổi)
Cây 1:(CT11/BT1) : Muồng hôi, tôm kê bê, cốc lấp mứn

- Bộ phận sử dụng: lấy rễ là tốt nhất.

Cây 2: (CT54/BT1). Dành dành lá tù

- Bộ phận sử dụng: Dùng phần rễ tươi hay khô.

Cách pha chế sử dụng: Đào lấy phần rễ dưới đất rửa sạch kết hợp 2 loại rễ cây này nấu nước uống, uống nửa nước sau, mỗi lần uống từ 1-2 bát. Để khô hoặc dùng tươi

- **Bài thuốc số 2:** Dùng cho phụ nữ sau sinh bồi bổ sức khỏe. (Me phôi - 34 tuổi)

Cây 1: (CT34/BT2) Bồ quân ấn độ, Tôm cắp, Cốc mặc beng

- Bộ phận sử dụng: Dùng rễ thân, lá, ngọn non

Cây 2:(CT2/BT2) Chè Long, Tôm chia ra quai, Kốc xe tanh.

- Bộ phận sử dụng: Dùng toàn cây, tốt nhất là thân và rễ.

Cây 3:(CT3/BT2) Bán Tràng, Tôm trơn, neng so.

- Bộ phận sử dụng: Dùng rễ thân hay lá.

Cách pha chế: dùng rễ của 3 loại này rửa sạch nấu nước hay ngâm rượu uống. Nước uống có mùi thơm dễ chịu.

Đây là bài thuốc quý tại cộng đồng được người dân sử dụng nhiều làm thuốc bổ (bài thuốc Ma Công),

- **Bài thuốc số 3:** Bồi bổ cho phụ nữ sau sinh:

Cây : (CT49/BT3) Cắm xe, Tôm Rpek, cốc deng

- Bộ phận sử dụng: Lấy nhiều ở toàn cây, rễ, thân, lá, vỏ, nhựa cây

Cách pha chế: Lấy rễ, thân, nhựa cây hoặc lá rửa sạch nấu nước uống (Nước uống có màu đỏ), chỉ dùng một loại này

- **Bài thuốc số 4:** Bồi bổ cho phụ nữ sau sinh:

Cây 1: (CT55/BT4) Dốt sành, Tôm Drô răng, Cốc nho sụm.

- Bộ phận sử dụng: Dùng rễ hay thân, dùng tươi nếu để lâu thì phơi khô.

Cây 2:(CT19/BT4). Sổ Đất, Tôm Mloxrê, Cốc sạn tịa.

- Bộ phận sử dụng: Dùng rễ, thân tươi hay phơi khô.

Cách pha chế: Dùng rễ cây của 2 loại cây này băm nhỏ khoảng 200g nấu nước uống hàng ngày thay nước sôi, mỗi lần uống từ 1-2 bát.

- **Bài thuốc số 5:** Bồi bổ cho phụ nữ sau sinh

Cây 1: (CT23/BT5) Đổm có cọng, Tôm Nhên xrê, Kốc sãm sa tịa

- Bộ phận sử dụng: Dùng rễ, lá cây để làm thuốc.

Cây 2: (CT24/BT5). Côm bắc bộ, Kốc mạc khom.

- Bộ phận sử dụng: Rễ cây

Cách pha chế: Dùng 2 loại rễ cây này băm nhỏ phơi khô nấu nước uống cho phụ nữ sinh 2, 3 ngày

- **Bài thuốc số 6:** Dùng cho phụ nữ sau sinh:

Cây 1: (CT12/BT6) Cáp gai nhỏ, Tôm tếc rmi, kốc nuộc meo.

Bộ phận sử dụng: lá, rễ

Cây 2: (CT69/BT6) Chối mòi chua, Tôm tô rờ ne.

Bộ phận sử dụng: rễ cây hoặc thân cây (tươi hoặc khô).

Cây 3: (CT22/BT6) Thị mâm, Tôm bươm, Kốc hươg quang

Bộ phận sử dụng: rễ cây.

Cách pha chế: rửa sạch rễ nấu uống hằng ngày thay nước sôi, mỗi lần uống từ 1-2 bát. tươi hoặc phơi khô nấu uống

chung cả 3 loại này

- **Bài thuốc số 7:** Bồi bổ cho phụ nữ sinh.

Cây 1: (CT25 /BT7) Phèn đen lá nhỏ, Tôm ngâu ban srê, Pa đông một lin.

Bộ phận sử dụng: Thân cây , rễ

Cây 2: (CT39/BT7) Gối hạt, Tôm sinít.

Bộ phận sử dụng: Củ, rễ cây phình dưới đất.

Cách pha chế: Phơi khô bằm nhỏ 2 loại rễ này, sao vàng sắc nước uống, nước có màu vàng thơm, uống mỗi lần 2-3 bát khi khát nước. Đây là bài thuốc hay.

- **Bài thuốc số 8:** Dùng chữa trị cho phụ nữ khi sinh bị ngộ độc. (Ma Móc - 45 tuổi)

Cây 1: (CT1/BT8): Sùng, Ja hạt điều.

Bộ phận sử dụng : Rễ cây là tốt ,để tươi hay phơi khô

Cây 2: (CT33/BT8): Biển hương, Tôm Agay, Kốc đục ứng.

Bộ phận sử dụng: Dùng rễ cây để tươi hoặc phơi khô.

Cách pha chế : Dùng kết hợp 2 loại rễ nấu uống hằng ngày thay nước sôi.

- **Bài thuốc số 9:** Trị ngộ độc cho phụ nữ sau sinh

Cây 1: (CT15/BT9): Chân Danh, Tôm Rơ vác quăn, Kốc sam khoai.

Bộ phận sử dụng: rễ cây khô hoặc tươi.

Cây 2 : (CT26/BT9): Thổ mật campuchia, Tôm nhên, Kốc hàng nam.

Bộ phận sử dụng: Lấy rễ hoặc thân tươi hay khô.

Cách pha chế : Dùng rễ, thân bằm nhỏ nấu uống dùng riêng hay kết hợp với loài Chân Danh, mỗi lần dùng từ 100-200g. mỗi lần uống 2-3 bát. Cây đang được sử dụng phổ biến trong buôn.

5.2.2.2 Nhóm bài thuốc dùng trị sốt rét ,hạ nhiệt...

- **Bài thuốc số 10:** Trị nóng sốt cao, hạ nhiệt cho trẻ em. (Ynô - 35 tuổi)

Cây 1: (CT43/BT10) : Chối đực, Tôm puốc rơ hoai, Kốc nhạ khánh

Bộ phận sử dụng : Dùng rễ cây dưới đất

Cây 2: (CT44/BT10) : Dúi nhám , Tôm kót , kốc sam pho

Bộ phận sử dụng : Rễ, lá (dùng cả cây).

Cách pha chế : Đào lấy 2 loại rễ rửa sạch nấu uống mỗi lần uống từ 1-2 bát, dùng từ 100-200g, nước uống có mùi thơm, để lâu phải phơi khô

- **Bài thuốc số 11:** Bài thuốc trị sốt rét.

Cây 1: (CT33/BT11): Biển hương, Tôm Agay, Kốc đục ứng

Bộ phận sử dụng: Rễ hoặc thân cây

Cách pha chế: Dùng rễ sạch nấu nước uống (uống 1/2 nước sau), nước uống đắng, uống khi lên cơn sốt

- **Bài thuốc số 12:** Bài thuốc trị sốt nóng cho trẻ em.

Cây 1:(CT10/BT12): Gòn rừng, Tôm Blang

Bộ phận sử dụng:Vỏ cây.

Cây 2: (CT7/BT12) Đạt phước, Tôm tang tới ,Kốc càng không

Bộ phận sử dụng: Dừng rễ hay thân cây.

Cách pha chế: Kết hợp 2 loại rễ cây, thân cây này còn tươi nấu chung, uống nóng, rất hiệu quả trị sốt nóng cho trẻ em

- **Bài thuốc số 13:** Bài thuốc trị sốt cao.

Cây 1:(CT16/BT13) Chiêu liêu xanh, Tôm Dang rờ ja, Kốc hén.

Phần lấy sử dụng: Vỏ, thân khô hoặc tươi

Cây 2: (CT56/BT13) Gáo nước, Tôm co, kốc càng lương

- Bộ phận sử dụng : rễ cây, vỏ

Cách pha chế: Dừng rễ, thân cây tươi hay để khô. Pha chế: Băm nhỏ vỏ, thân cây kết hợp với rễ cây Gáo nước khoảng 150-200g sao vàng nấu uống khi sốt cao

- **Bài thuốc số 14:** Trị sốt nóng lạnh liên tục

Cây 1: (CT8/BT14) Núc nác, Sò đo thuyền, Tôm pa lung, kốc mạc lin may.

Bộ phận sử dụng: Quả,vỏ.

Cây 2: (CT22/BT14): Thị Mâm, Tôm bôm, Kốc hưởng quang.

Bộ phận sử dụng: vỏ, rễ cây

Cách pha chế: dùng vỏ hoặc rễ cây kết hợp nấu uống khi sốt cao. Dùng tươi hay khô nấu, có thể dùng riêng một loại

5.2.2.3 Nhóm bài thuốc trị ho, viêm phế quản....

- **Bài thuốc số 15:** Chữa bệnh ho ra máu: (Ma bầu - 53 tuổi)

Cây 1: (CT34/BT15): Bồ quân ấn độ, Tôm cấp, Kốc mạc Beng.

Bộ phận lấy sử dụng: lá, ngọn non.

Cây 2: (CT40/BT15): Tóc Tiên, Thiên môn đông, Tôm Nam phan, Kốc xi sạn.

Bộ phận sử dụng: lấy cả cây tốt nhất lá và rễ.

Cách pha chế: Ngọn non kết hợp với rễ, lá non cây bồ quân băm nhỏ nấu uống tươi hay để khô, mỗi lần uống từ 100-200g, cho thêm vào một ít muối hạt, ngày uống 3 lần, mỗi lần từ 1-3 chén(bát). Đây là bài thuốc có giá trị chữa bệnh hiệu quả.

- **Bài thuốc số 16:** Trị ho kéo dài.

Cây 1: (CT62/BT16): Tháo kén đực, Tôm soan brock, Kốc pik cay dăm.

Phần lấy làm thuốc: rễ cây.

Cách pha chế: Nấu nước từ rễ, khô hay tươi, nấu cô lại uống nửa nước sau là tốt nhất.

- **Bài thuốc số 17:** chữa bệnh ho đờm, viêm phế quản(Ma Phen- 63 tuổi).

Cây 1: (CT7/BT17) Đạt phước, Tôm tang Tươi, Kốc càng không.

Bộ phận sử dụng: dùng rễ, thân

Cây 2: (CT45/BT17): Sóng rấn, Kốc phác sí.

Bộ phận sử dụng: Lấy rễ cây.

Cây 3: (CT61/BT17): Nhãn Rừng, Tơm mờ no, Kốc mạc kho.

Bộ phận sử dụng: Rễ cây.

Cách pha chế: 3 loại rễ cây kết hợp nấu uống rất hiệu quả. mỗi lần dùng từ 200-300g, kết hợp đủ 3 loại cây này thành bài thuốc rất hay.

- **Bài thuốc số 18:** Bài thuốc trị ho mất tiếng cho trẻ em (Ma Hiêm -50 tuổi).

Cây 1:(CT37/BT18): Kơ nia, Cây cầy, Tơm nher, Kốc póc.

Bộ phận sử dụng: dùng vỏ, hạt.

Cách pha chế: dùng vỏ, hạt giã nhỏ sắc nước uống, hiệu quả chữa bệnh cao.

5.2.2.4 Nhóm bài thuốc chữa đau bụng tiêu chảy, kiết lỵ thương hàn

- **Bài thuốc số 19:** Bài thuốc chữa đau bụng tiêu chảy.(Ma Tiên - 56 tuổi)

Cây 1: (CT17/BT19): Chiêu liêu ổi, Tơm Đrăm cóc, Kốc pươi lược.

Bộ phận sử dụng: dùng vỏ cây làm thuốc

Cách pha chế: Bóc lấy vỏ cây tươi băm nhỏ sao vàng sắc nước uống, chỉ dùng riêng một loài này, đây là loài thuốc hiệu quả chữa bệnh nhanh cần nghiên cứu chiết suất.

- **Bài thuốc số 20:** Chữa đau bụng tiêu chảy

Cây 1: (CT13/BT20): Móng bò đỏ, Tơm văn xê, kốc lép mơi

Bộ phận sử dụng : dùng rễ hoặc thân cây

Cây 2:(CT29/BT20): Tràng Quả, Tơm sup kon, Kốc két lin

Bộ phận sử dụng: dùng rễ hoặc thân

Cây 3: (CT23/BT20): Đỏm có cọng, Tơm dol pik xre, kốc sãm sa tia

Bộ phận sử dụng: Lá, rễ cây

Cách pha chế: Dùng rễ, thân hoặc lá mỗi lần dùng từ 200-300g, nước có màu vàng nhạt uống lúc cơn đau tăng, đau bụng đi ngoài nhiều

- **Bài thuốc số 21:** bài thuốc chữa bệnh đau bụng, thương hàn (Ma Nha, 43 tuổi).

Cây 1(CT4/BT21): Hà thủ ô trắng, Khưa pa song, Tơm chao N' rấc

Bộ phận sử dụng: dùng củ hoặc thân cây

Cách pha chế: dùng củ hoặc thân băm nhỏ phơi khô sắc nước uống, nước uống màu vàng có mùi thơm, uống liên tục trong ngày, chỉ dùng 1 loại này

- **Bài thuốc số 22:** Trị đau bụng tiêu chảy

Cây 1: (CT21/BT22): Cà chít, cà chắc, Tơm chít, kốc cà chít.

Bộ phận sử dụng: Dùng rễ cành hoặc thân cây

Cách pha chế: Rễ, cành đốt cháy thành than nấu với nước sôi uống một lần từ 1-2 bát.

- **Bài thuốc số 23:** Trị đau bụng tiêu chảy

Cây 1: (CT63/BT23): Dó tròn, Tơm N'ha pham, Kốc po pít.

Bộ phận sử dụng: Dùng rễ cây để tươi hoặc khô.

Cách pha chế: Lấy rễ cây băm nhỏ sao vàng lên nấu nước để cô lại còn một nửa uống liên tục. Chỉ dùng riêng một loại này trong bài thuốc.

- **Bài thuốc số 24:** Bài thuốc chữa đau bụng kiết lỵ (YNha, 34 tuổi).

Cây 1(CT1/BT24): Sừng, Ja hạt điều, Cốc nam kiện.

Bộ phận sử dụng: Rễ, dùng tươi hoặc khô.

Cây 2: (CT14/BT24): Muồng gai, Tôm Tong dơ, kốc ca chai

Bộ phận sử dụng làm thuốc: dùng rễ cây

Cây 3: (CT5/BT24): Cốc đấng, Tôm trăn, kốc cọt trăn

Bộ phận sử dụng: rễ cây

Cách pha chế: rễ cây của 3 loại kết hợp nấu cô lại uống, dùng khô hay tươi khoảng 200g, nước uống có vị đắng, uống ngày 3 bát.

- **Bài thuốc số 25:** Bài thuốc trị đau bụng kiết lỵ

Cây 1: (CT18/BT25): Chò nhai, Tôm Asui, Kốc min mon.

Bộ phận sử dụng: Vỏ cây

Cây 2: (CT41/BT25): Bằng lăng ổi, Tôm khoar, Kốc phơi si da.

Bộ phận sử dụng: Lá, rễ cây rửa sạch nấu uống

Cách pha chế: Kết hợp vỏ cây Chò nhai và rễ cây Bằng lăng ổi khoảng 150g phơi khô sao vàng cô lại uống 1-2 bá

- **Bài thuốc số 26:** Trị đau bụng thổ tả

Cây 1: (CT66/BT26): Cò ke cuống dài, Tôm dong hăng.

Bộ phận sử dụng: quả, rễ

Cây 2: (CT9/BT26): Quau núi, Tôm rơ lay

Bộ phận sử dụng: Vỏ cây

Cây 3:(CT62/BT26): Nhãn Rừng, Tôm Dăm ong, Kốc mạc kho, Tôm mờ no

Bộ phận sử dụng: Rễ cây

Cách pha chế: Dùng quả Cò ke, vỏ cây Quau và rễ Nhãn rừng phơi khô sao vàng khoảng 100g sắc nước cô lại uống, nước dễ uống

5.2.2.5 Nhóm bài thuốc chữa đau bao tử, sỏi thận

- **Bài thuốc số 27:** Bài thuốc chữa đau bao tử (Ma Xí, 55 tuổi)

Cây 1(CT16/BT27): Chiêu liêu xanh, Tôm Dang Rơ da, Kốc hén.

Bộ phận sử dụng: dùng vỏ cây và một ít thân gỗ

Cây 2:(CT60/BT27): Táo rừng lá nhỏ, Tôm nam khom, Kốc lec meo

Bộ phận sử dụng: Dùng vỏ hoặc rễ cây.

Cách pha chế: dùng tươi hoặc khô vỏ, rễ của 2 loại cây này nấu uống thường xuyên. Sao vàng hoặc ngâm rượu hay sắc nước uống.

- **Bài thuốc số 28:** Bài thuốc trị đau dạ dày

Cây 1:CT40/BT28): Tóc tiên, Kốc xí sạn, Tôm nam phan

Cách pha chế: Dùng lá, rễ khô hoặc tươi

Cây 2:(CT64/BT28): Kim cang lá lớn, Tôm nam dong, kốc khưỡng nôi.

Bộ phận sử dụng : dùng phần rễ, củ ở dưới đất.

Cách pha chế: Lấy rễ, củ 2 loại này rửa sạch băm nhỏ sao vàng nấu nước hoặc ngâm rượu uống, mỗi lần dùng khoảng 100g tươi, uống thường xuyên. Đây là bài thuốc giá trị tại cộng đồng, chữa bệnh dạ dày tốt

- **Bài thuốc số 29:** Bài thuốc trị sỏi thận.(Maphé- Già làng)

Cây 1:(CT53/BT29): Cốt bổ toái, Tơm chứt.

Bộ phận sử dụng: lấy phần rễ, củ phân rộng ở gốc để làm thuốc.

Cách pha chế: Rễ, củ dùng riêng hay với cây mía, lấy rễ hoặc củ cạo bỏ vảy lông, thái mỏng phơi khô sao vàng sắc nước hoặc ngâm rượu uống thường xuyên. Đây là loài có giá trị tại cộng đồng có thể bán được

5.2.2.6 Nhóm bài thuốc chữa đau lưng, đau khớp, tê liệt, mỏi chân, bong gân...

- **Bài thuốc số 30:** Bài thuốc chữa tê liệt chân tay, mỏi chân (Ma Hoan, 58 tuổi).

Cây 1:(CT30/BT30): Cẩm lai đen, Tơm kôl, Kốc pa đông.

Bộ phận làm thuốc: Dùng vỏ, rễ cây

Cách pha chế: Dùng tươi hay khô vỏ, rễ cây nấu nước uống khi mỏi chân, trị tê liệt chân tay nấu chung với rễ cây Cẩm xe đã nhỏ làm thuốc bôi hàng ngày.

- **Bài thuốc 31:** Trị bong gân sưng đau

Cây 1: (CT42/BT31): Mã tiền quả cam, Tơm plai Kroäl, Kốc tum ca.

Bộ phận sử dụng: lấy vỏ, hạt.

Cách pha chế: Giã nhỏ vỏ, hạt sao vàng ngâm rượu bôi lên vết thương thường xuyên

- **Bài thuốc 32:** Trị mỏi chân, đau khớp.

Cây 1:(CT46/BT32): Dây hồ đăng, Pa đông khưa(lào).

Bộ phận sử dụng làm thuốc: dùng toàn cây(lá, thân, rễ...) đây là loài cây dễ cháy vào mùa khô vì vậy cần bảo vệ.

Cây 2: (CT67/BT32): Bình Linh, Kốc pa đong liêm

Bộ phận sử dụng: Vỏ cây

Cách pha chế: Nấu uống chung 2 loại mỗi lần dùng từ 200-300g hay kết hợp đã nhỏ bôi lên chân vào buổi tối.

- **Bài thuốc số 33:** Bài thuốc chữa đau lưng, đau khớp.(Ma Đông, 41 tuổi)

Cây 1: (CT11/BT33): Muồng hôi, Tơm kê bê, Kốc lấp mứn

Bộ phận sử dụng: Dùng thân cây hoặc rễ cây.

Cách pha chế sử dụng: Dùng rễ cây hoặc thân cây nấu nước hay ngâm rượu uống thường xuyên.

Cây 2: (CT64/BT33):Kim cang lá lớn, Tơm dong nam, Kốc khưỡng nội.

Bộ phận sử dụng làm thuốc: Dùng phần rễ cây phình to dưới đất.

Cách pha chế: Rễ cây băm nhỏ ngâm rượu uống.

Đây là loài có giá trị tại cộng đồng, được người dân dùng làm thuốc chữa đau lưng, khớp rất hiệu quả.

- **Bài thuốc số 34:** Bài thuốc trị đau lưng

Cây 1: (CT31/BT34): Trắc leo, Kốc pa đong khô.

Bộ phận sử dụng làm thuốc: Dùng rễ, thân dây leo.

Cách pha chế: Cắt khúc thân, băm nhỏ, nấu nước hoặc ngâm rượu uống (nước uống có màu đỏ hơi chát, ngâm lâu có vị ngọt.)

Đây là loài thuốc có giá trị tại buôn, cây phân bố hẹp ở rừng thường xanh vì vậy cần bảo vệ và phát triển

5.2.2.7 Nhóm bài thuốc bồi bổ sức khỏe, mất ngủ, an thần....

- **Bài thuốc số 35:** trị mất ngủ, giúp ăn ngon (Ma Xí, 55 tuổi).

Cây 1: (CT51/BT35): Lạc tiên, Nhân lồng, Tôm nha tép, Tôm Rtao, Kốc nhôn hạng.

Bộ phận sử dụng: Dùng cả cây.

Cây 2: (CT2/BT35): Chè long, tôm chia ran quai, kốc xe tanh.

Bộ phận sử dụng: Dùng cả cây (cành, rễ, lá)

Cách pha chế: Cây tươi rửa sạch cắt khúc cho vào ấm sắc lên để uống hoặc cũng có thể phơi khô cất dùng dần, sau khi sắc xong thuốc có mùi thơm đặc trưng. Đây là loài phân bố tương đối hẹp nhưng người dân sử dụng rất nhiều

- **Bài thuốc số 36:** Bài thuốc dùng bồi bổ khỏe cơ thể

Cây 1: (CT3/BT36): Bán tràng, Tôm trơn.

Bộ phận sử dụng làm thuốc: Dùng rễ cây.

Đây là loài thuốc có giá trị tại buôn, người dân đã trao đổi mua bán ra ngoài làm thuốc bổ.

Cây 2: (CT57/BT36): Hồng Bì, Kốc sâm nghin

Bộ phận sử dụng làm thuốc: sử dụng lá cây.

Cách pha chế: Rửa sạch rễ băm nhỏ nấu nước uống hay ngâm rượu dần dần, rễ để lâu thì phơi khô.

Đây là loài thuốc quý kết hợp với cây Bán tràng(Tôm trơn) gọi là bài thuốc Ma công. Cây phân bố hẹp nhưng được mua bán trong vùng cần có biện pháp bảo vệ.

- **Bài thuốc 37:** Trị bệnh mất ngủ ở người già

Cây 1: (CT65/BT37): Nhân trần, Chè đồng, Kốc Lôi bri.

Bộ phận sử dụng: Dùng cả cây.

Cách pha chế: Nhổ cả cây đang ra hoa băm nhỏ nấu nước uống thay trà(chè) hàng ngày thường xuyên, nước uống làm mát người, để lâu thì phơi khô. Đây là loài có trữ lượng lớn người dân sử dụng nhiều.

Cây 2: (CT35/BT37): Thủy lệ, Kốc phát ca diên.

Bộ phận sử dụng: dùng toàn cây làm thuốc.

Cách Pha chế: Thu hái cả cây vào lúc ra hoa, nấu lấy nước có thể ăn sống được (như rau). Đây là loài thuốc quý tại cộng đồng theo kinh nghiệm người dân cho biết họ chữa được nhiều loại bệnh (đặc biệt cho người già).

5.2.2.8 Nhóm bài thuốc chữa mụn nhọt, hạch, sưng đau

- **Bài thuốc 38:** Bài thuốc chữa hạch sưng đau.(Ma Xí).

Cây 1 (CT20/BT38): Sủ 5 nhụy, Tôm Kung,kốc mạc pheng.

Bộ phận sử dụng: Lấy lá non, ngọn non.

Cách pha chế: Ngọn non giã nát với ít muối bôi lên vết hạch sưng đau. Cây chữa hạch rất tốt.

- **Bài thuốc số 39:** Bài thuốc chữa mụn nhọt: (Ma Đông)

Cây 1: (CT47/BT39): Sung, Tôm plai rờvi, kốc mạc ka đũa.

Bộ phận sử dụng: Lấy quả, lá non, ngọn non.

Cây 2: (CT32/BT39): Biếc tràng, Săm păn tưng.

Bộ phận sử dụng: Lấy lá non, ngọn non

Cách pha chế: Ngọn non kết hợp giã nát với ít muối bôi lên vết thương ngày 2-3 lần.

- **Bài thuốc số 40:** Trị mụn nhọt

Cây 1: (CT58/BT40): Gáo trắng, sắn tàn, Tôm pơm, kốc tấp tau.

Bộ phận sử dụng: Lấy lá non, ngọn non.

Cây 2: (CT38/BT40): Bời lời nhớt, Tôm Bôn, Kốc my.

Bộ phận sử dụng: Lấy lá non, ngọn non, nhựa nhớt thân cây.

Cách pha chế: Ngọn non giã nát kết hợp với ít muối hay nhựa nhớt bôi lên vết thương.

5.2.2.9 Nhóm các bài thuốc khác

- **Bài thuốc số 41:** trị nước ăn chân (Ma Tiên)

Cây 1: (CT59/BT41): Găng nhung, Tôm bra măng, Kốc nam kphen.

Bộ phận sử dụng: Lấy quả non, ngọn non,

Cách pha chế: Ngọn non hay lấy nhựa nhớt từ quả bôi lên vết thương bị ngứa

Cây 2: (CT27/BT41): Me rừng, Tôm Ajoắt, kốc mạc kham bon.

Bộ phận sử dụng: Lấy lá non, ngọn non, vỏ cây.

Cách pha chế: Ngọn non, vỏ cây giã nát với ít muối bôi lên vết ngứa.

- **Bài thuốc số 42:** chữa đau mắt (Ma Bầu, 53 tuổi)

Cây 1: (CT36/BT42): Thành nghạnh (Đỏ ngọn), Tôm rơ ghen, kốc tiều.

Bộ phận sử dụng: Lấy lá non, ngọn non,

Cách pha chế: Lấy ngọn non ngâm vào nước sôi, lấy hơi nóng áp vào mắt, lặp lại 2-3 lần.

- **Bài thuốc số 43:** chữa đau đầu răng.(Y Brôl, 43 tuổi)

Cây 1: (CT68/BT43): Địa liên, Tôm ajôr, Kốc tấp mụp.

Bộ phận sử dụng: Lấy rễ, củ.

Cách pha chế: Lấy củ băm nhỏ nát trộn ít muối hạt ngâm vào miệng hoặc nhét vào lỗ răng bị sâu.

- **Bài thuốc số 44:** chữa cầm máu vết thương:

Cây 1: (CT6/BT44): Cỏ lào, Nhạ nhện nhỏ, Tôm pút

Bộ phận sử dụng: Lá, ngọn non

Cây 2: (CT52/BT44): Le đen, Tôm nglê.

Bộ phận sử dụng: bột cạo nhỏ từ thân

Cách pha chế: Lấy dao cạo nhỏ bột từ thân le kết hợp ngọn non cỏ lào băm nhỏ nát trộn ít muối hạt bôi lên vết thương chảy máu

- **Bài thuốc số 45:** Bài thuốc chữa rắn cắn. (Ma Móc, 45 tuổi)

Cây 1: (CT48/BT45): Bầm bầm tuyến, Kốc Kpắc lai mơn.

Bộ phận sử dụng: Lấy hạt của cây

Cây 2: (CT28/BT45): Ba đậu cuống dài, Kốc sắp pải

Bộ phận sử dụng: Lấy vỏ hạt.

Cách pha chế: Dùng hạt bỏ đôi áp vào vết rấn cắn sau đó dã nhỏ hạt ba đậu cuống dài bôi lên băng lại nó sẽ hút hết nọc độc.

- **Bài thuốc số 46:** Chữa đau tai, sưng tai. (Ma xí, 55 tuổi)

Cây 1: (CT50/BT46): Lan đoản kiếm, Kốc đam phi

Bộ phận sử dụng: Lấy lá.

Cách pha chế: Lấy lá đốt nóng vắt lấy nước nhỏ vào tai, vết thương chảy mủ.

5.2.3 Danh lục cây thuốc phát hiện được tại cộng đồng.

Trên cơ sở điều tra các bài thuốc trong đó có các cây thuốc được đồng bào xác định theo tiếng địa phương và một số ít theo tên phổ thông, chúng tôi đã cùng người dân đi rừng lấy mẫu cây, mô tả đặc điểm hình thái và sinh thái sau đó mang mẫu về dùng các tài liệu tra cứu xác định tên phổ thông cùng tên khoa học và họ thực vật của chúng. Kết quả được tổng hợp thành danh lục cây thuốc

Bảng 3: Danh lục các loài cây thuốc tại cộng đồng buôn Đrăng Phốk

Stt	Mã cây thuốc/ bài thuốc	Tên cây thuốc			Họ thực vật
		P. thông	Đ. phương	Khoa học	
1	CT1 /BT8	Sưng	Ya hạt điều	Semecarpus sp.	Anacardiaceae
2	CT 2/BT2	Chè long	Kốc xe tanh	Aganosma acuminata	Apocynaceae
3	CT3/BT2	Bán tràng	Tôm trơn	Hemidesmus sp.	Asclepiadaceae
4	CT4/BT21	Hà thủ ô trắng	Khứa pa song	Streptocaulon griffthii.	Asclepiadaceae
5	CT5/BT24	Cốc đắng	Tôm trần	Lannea coromandelia	Anacardiaceae
6	CT6/BT44	Cỏ lào	Nhạ nhện nhỏ	Eupatorium odoratum	Asteraceae
7	CT7/BT12	Đạt phước	Tôm tang tới	Millingtonia hortensis	Bignoniaceae
8	CT8/BT14	Núc nác	Pa Lung	Oroxylum Inducum	Bignoniaceae
9	CT9/BT26	Quau núi	Tôm Rờ lay	Stereospermum cylindricum	Bignoniaceae
10	CT10/BT12	Gòn rừng	Tôm blang	Bombax anceps	Bombacaceae
11	CT11/BT1	Muồng hôi	Kốc lấp mứn	Cassia tora	Caesalpinaceae
12	CT12/BT6	Cáp gai	Tôm Tec rmi	Capparis micrantha	Capparceae
13	CT13/BT20	Móng bò đỏ	Tôm Văn xê	Bauhinia sp	Caesalpinaceae
14	CT14/BT24	Muồng gai	Tôm tong dơ	Caesalpinia sp	Caesalpinaceae
15	CT15/BT9	Chân danh	Sám khoai	Euonymus sp	Celastraceae
16	CT16/BT13	Chiêu Liêu xanh	Tôm yang rờ gia	Terminalia bellirica	Combretaceae
17	CT17/BT19	Chiêu liễu ổi	Tôm Đrăm cóc	Terminalia corticosa	Combretaceae
18	CT18/BT25	Chò nhai	Kốc min mon	Anogeisus acuminata	Combretaceae
19	CT19/BT4	Sổ đất	Tôm Mloxrê	Dillenia hookeri	Dilleniaceae
20	CT20/BT17	Sổ 5 nhụy	Tôm Kung	Dillenia pentagyna	Dilleniaceae


Stt	Mã cây thuốc/ bài thuốc	Tên cây thuốc			Họ thực vật
		P. thông	Đ. phương	Khoa học	
21	CT21/BT22	Cà chít	Tôm Cà chít	<i>Shorea obtusa</i>	Dipterocarpaceae
22	CT22/BT6	Thị mâm	Tôm Bôm	<i>Diospyros ehretioides</i>	Ebenaceae
23	CT23/BT5	Đỏm có cọng	Tôm nhênxrê	<i>Bridelia pedicellata</i>	Euphorbiaceae
24	CT24/BT5	Côm Bắc bộ	Kốc mạc khom	<i>Elaeocarpus tonkinensis</i>	Elaeocarpaceae
25	CT25/BT7	Phèn đen lá nhỏ	Tôm ngâu bamxrê	<i>Phyllanthus af parvifolius</i>	Euphorbiaceae
26	CT26/BT9	Thổ mật	Kốc Hang nam	<i>Bridelia cambodiana</i>	Euphorbiaceae
27	CT27/BT41	Me rừng	Kốc mạc kham bon	<i>Phyllanthus emblica</i>	Euphorbiaceae
28	CT28/BT45	Ba đậu cuống dài	Sấp pải	<i>Croton af. maleuticus</i>	Euphorbiaceae
29	CT29/BT20	Tràng quả	Kốc két lin	<i>Desmodium pulchellum</i>	Fabaceae
30	CT30/BT30	Cắm lai đen	Kốc pa dong	<i>Dalbergia nigrescens</i>	Fabaceae
31	CT31/BT34	Trắc leo	Pa dong khô	<i>Dalbergia volubilis</i>	Fabaceae
32	CT32/BT39	Biếc tràng	Sấm păn tưng	<i>Clitoria hanceana var. laureola</i>	Fabaceae
33	CT33/BT8	Biến hưởng	Tôm agậy	<i>Campylotropis sp.</i>	Fabaceae
34	CT34/BT2	Bồ quân ấn	Tôm cấp	<i>Flacourtia indica</i>	Flacourtiaceae
35	CT35/BT37	Thuỷ lệ	Kốc phát Ca diên	<i>Hydrolea zeilanuca</i>	Hydrophyllaceae
36	CT36/BT42	Thành ngạnh	Tôm rờ ngen	<i>Cratoxylon prunifolium</i>	Hypericaceae
37	CT37/BT18	Kơ nia	Kốc póc	<i>Iringia malayana</i>	Irviaceae
38	CT38/BT40	Bời lời nhớt	Tôm bôn	<i>Litsea glutinosa</i>	Lauraceae
39	CT39/BT7	Gối hạt	Tôm sirít	<i>Leea aequata</i>	Leeaceae
40	CT40/BT15	Tóc tiên	Tôm Nam Phan	<i>Asparagus cochinchinensis</i>	Liliaceae
41	CT41/BT25	Bằng lăng ổi	Tôm khoair	<i>Lagerstroemia calyculata</i>	Lythraceae
42	CT42/BT31	Mã tiền Cam	Kốc tum ca	<i>Strychnos nux- blanda</i>	Loganiaceae
43	CT43/BT10	Chổi đực	Kốc nhạ khách	<i>Sida acuta</i>	Malvaceae
44	CT44/BT10	Duối nhám	Tôm knot	<i>Atreblus asper</i>	Moraceae
45	CT45/BT17	Sóng rấn	Kốc phắc xí	<i>Albizia procera</i>	Mimosaceae
46	CT46/BT32	Dây hồ đăng	Pa đông khứa	<i>Cisampelos sp.</i>	Menispermaceae
47	CT47/BT39	Sung	Tôm plai rờ vi	<i>Ficus racemosa</i>	Moraceae
48	CT48/BT45	Bàm bám tuyến	Kốc lai môn	<i>Entada glandulosa</i>	Mimosaceae
49	CT50/BT3	Cắm xe	Kốc đeng	<i>Xylia xylocarpa</i>	Mimosaceae
50	CT50/BT46	Lan đoản kiếm	Kốc đam phi	<i>Cleisostoma duplicilopium</i>	Ochidaceae
51	CT51/BT35	Lạc tiên	Tôm rtao	<i>Passiflora foetida</i>	Passifloraceae
52	CT52/BT44	le đen	Tôm nglê	<i>Oxytenanthera nigro-cilata</i>	Poaceae
53	CT53/BT29	Cốt bổ toái	Tôm chứt	<i>Drynaria fortunei</i>	Polypodiaceae
54	CT54/BT1	Dành dành lá tù	Kốc lom phúc	<i>Gardenia obtusifolia</i>	Rubiaceae
55	CT55/BT4	Dốt sành	Tôm đô răng	<i>Pavetta pitardii</i>	Rubiaceae
56	CT56/BT13	Cà giam	Tôm tằm dốt	<i>Mytragyne diversifolia</i>	Rubiaceae






Stt	Mã cây thuốc/ bài thuốc	Tên cây thuốc			Họ thực vật
		P. thông	Đ. phương	Khoa học	
57	CT57/BT36	Hồng bì	Kốc sâm nghin	Clausena excavata	Rutaceae
58	CT58/BT40	Gáo trắng	Kốc táp tau	Neolamarckia cadamba	Rubiaceae
59	CT59/BT41	Găng nhung	Tơm bra măng	Randia dasycarpa	Rubiaceae
60	CT60/BT27	Táo rừng	Kốc mạc lược	Ziziphus oenoplia	Rhamnaceae
61	CT61/BT17	Nhãn rừng	Tơm dăm ong	Schleichera oleosa	Sapindaceae
62	CT62/BT16	Tháo kén đực	Kốc pít kdăm	Helictes angustifolia	Sterculiaceae
63	CT63/BT23	Dó tròn	Kốc po pít	Helicteres isora	Sterculiaceae
64	CT64/BT28	Kim cang	Tơm dong nam	Smilax china	Smilacaceae
65	CT65/BT37	Nhân trần	Klôi bri	Adenosma indianum	Scrophulariaceae
66	CT66/BT26	Cò ke cuống dài	Tơm dong hăng	Grewia sp	Tiliaceae
67	CT67/BT32	Bình linh	Pa dong liêm	Vitex sumatrana	Verbenaceae
68	CT68/BT43	Địa liên	Tơm Ajôr	Kaempferia galanga	Zingiberaceae
69	CT69/BT6	Chòi mùi	Kốc mậu	Antidesma ghaesembilla	Euphorbiaceae
Tổng cộng		69 loài		63 chi	45 họ






5.2.4 Đặc điểm hình thái và sinh thái của các loài cây thuốc:






Để tiện cho việc nghiên cứu, sử dụng một số cây thuốc và bài thuốc được phát hiện tại cộng đồng chúng tôi đã tổng hợp một số đặc điểm về hình thái và sinh thái cơ bản của chúng kết hợp một số hình ảnh minh họa kèm theo, các cây thuốc được mã hóa theo thứ tự cây thuốc và bài thuốc: Kết quả được trình bày trong bảng 4:






Bảng 4: Đặc điểm hình thái và sinh thái cơ bản của các loài cây thuốc





TT	Mã số	Tên cây	Đặc điểm hình thái và phân bố	Hình ảnh
1	CT1/ BT8	Ya hạt điều Sưng	Cây gỗ nhỏ, vỏ màu trắng nhạt nhựa mủ đỏ, lá đơn nguyên tập trung đầu cành. Hoa mọc chùm hay ở đầu cành mang nhiều hoa tạp tính, màu trắng. Quả hạch dài 2cm. Cây ưa sáng, mọc rải rác ở rừng khộp.	






TT	Mã số	Tên cây	Đặc điểm hình thái và phân bố	Hình ảnh
2	CT2/ BT2	Kốc xe tanh Chè long	Dây leo mọc thành bụi, không có lông, mủ trắng, lá mọc đối, mỏng không lông, mặt trên xanh bóng. Hoa chùm, cánh hoa trắng. Quả đại đôi dài 15-30cm, hạt có lông mào. Cây phân bố rải rác trong rừng khộp, thường mọc trên gò mối	
3	CT3/ BT2	Tôm trơn Bán tràng	Dạng dây leo quấn, sống nhiều năm, có rễ to cứng thơm, thân non mảnh, lá đơn mọc đối hình trái xoan có lông thưa ở hai mặt. Cây phân bố rải rác trong rừng thường xanh trên các đỉnh núi.	
4	CT4/ BT21	Khứa pa song Hà thủ ô	Dây leo nhỏ có lông tơ màu nâu đỏ thân có mủ màu trắng, lá đơn mọc đối có lông ở 2 mặt. Cụm hoa dạng tán dài 4-5cm. Quả đại đôi dài 8-10cm hạt có lông mào Phân bố rộng rãi ở rừng khộp, ven bìa rừng đường đi quanh Buôn	
5	CT5/ BT24	Tôm trăn Cốc đắng	Cây gỗ nhỏ hoặc trung bình, vỏ ngoài màu xám đen, nức dọc nông, thịt vỏ màu hồng nhạt, có mùi thơm nhẹ, các nhánh thường có nốt. Mọc rải rác trong rừng thưa cây lá rộng	
6	CT6/ BT44	Nhạ nhện nhỏ Cỏ lào	Cây thân thảo, sống hàng năm, thân có phủ ít lông. Lá đơn mọc đối. Cụm hoa hình đầu hình trắng xám tập trung ở đầu cành. Cây ưa sáng mọc phổ biến ven đường đi, bãi đất trống quanh Buôn.	






TT	Mã số	Tên cây	Đặc điểm hình thái và phân bố	Hình ảnh
7	CT7/ BT12	Tơm tang tơi Đạt phước	Cây gỗ nhỏ, thân màu xám, vỏ nứt dọc thân, lá kép lông chim 2-3 lần. Cụm hoa chùm to mọc ở nách lá hay đầu cành .Hoa màu trắng. Quả hình trái xoan dài 1-1,5 cm, có 1 hạt cứng có cánh Rải rác trong rừng khộp và bán thường xanh, ven đường đi.	
8	CT8/ BT14	Pa Lung Núc nác	Cây gỗ nhỏ rụng lá, vỏ xù xì màu nâu vàng, lá kép lông chim 2-3 lần dài tới 2m. Hoa màu da cam đỏ nâu, mọc thành chùm, dài 30 cm. Quả nang lớn, dài 30-90 cm, rộng 5-9 cm hạt có nhiều cánh mỏng. Cây mọc rải rác trong rừng chuyển tiếp ven sông suối, rừng bán thường xanh	
9	CT9/ BT26	Quau núi Tơm rơ lay	Cây gỗ trung bình rụng lá vào mùa khô, cao 12-16m, thân tròn, tán rộng, phân cành nhiều vỏ thân ngoài màu xám trắng. Lá kép lông chim lẻ mọc đối dài Cây ưa sáng phân bố trong rừng rụng lá	
10	CT10/ BT12	Tơm Blang Gòn rừng	Cây gỗ lớn ,lá rụng thân thẳng ,tán phân tầng có bạnh vè, thân nhiều nhựa nhớt ,lá kép chân vịt. Cây mọc tự nhiên xung quanh buôn, rừng khộp hoặc thường xanh.	
11	CT11/ BT1	Kốc lạp mứn Muồng hôi	Cây bụi cây thấp, lá kép lông chim, mép nguyên có lá kèm sớm rụng, cụm hoa chùm, hoa vàng lưỡng tính mẫu 4-5, quả đậu tự nứt khi khô Cây mọc nhiều quanh buôn, bờ ruộng, đồng cỏ,	




TT	Mã số	Tên cây	Đặc điểm hình thái và phân bố	Hình ảnh
12	CT12/ BT6	Tơm tec rní Cáp gai	Cây gỗ nhỏ, nhánh không lông, có gai nhọn ít cong, lá có phiến xoan bầu dục, hoa thành hàng đứng trên lá, cánh hoa màu vàng. Quả mập tròn hay xoan khoảng 3-4cm Cây mọc rải rác ven khe suối trong rừng khộp	
13	CT13/ BT20	Tơm văn xrê Móng bò đỏ	Cây bụi thấp ít phân cành vỏ có nhiều sợi dai lá hình móng bò xanh nhạt. Hoa tập trung ở đầu cành màu đỏ nhỏ, quả đậu. Cây phân bố rải rác trong rừng khộp, nơi nhiều đá	
14	CT14/ BT24	Tơm tong đơ Muồng gai	Cây bụi leo, có gai móc nhọn, mọc thành bụi dày. lá kép lông chim hai lần có 8-12 cặp cuống phụ. lá chét nhỏ hình trái xoan 2 đầu tròn dài 1,5-2 cm Cây mọc thành bụi ở ven đường đi trong rừng khộp	
15	CT1/ BT19	Sám khoai Chân danh	Cây gỗ nhỏ, nhánh non hơi vuông có màu xanh nhạt, lá đơn mọc đối không lá kèm, phiến lá hình trứng trái xoan, dài 10-15cm, rộng 5-8cm, có 5-6 đôi gân bên, cụm hoa dạng chùm. Phân bố rải rác trong rừng khộp, nơi ẩm hoặc bán thường xanh, ven sông suối	
16	CT1/ BT13	Tơm yang rơ gia Chiêu liêu xanh	- Cây gỗ lớn, vỏ màu nâu sẫm, lá đơn phiến lá mỏng hình trứng ngược dài 18-26cm, rộng 6-12 cm, quả hình trứng kiểu hạch, chia làm 5 múi rõ. Phân bố rải rác trong rừng khộp, thường xanh, cây ưa sáng	






TT	Mã số	Tên cây	Đặc điểm hình thái và phân bố	Hình ảnh
17	CT1/ BT19	Tôm đằm cóc Chiêu liêu ổi	Cây gỗ lớn, vỏ bong từng mảng như cây ổi, cành lá non phủ lông hung nâu. Lá đơn mọc đối hình bầu dục. Cụm hoa hình bông nhiều hoa mọc ở kẽ lá. Quả khô tròn dẹp có cánh mỏng. Phân bố ở rừng khộp và rừng chuyển tiếp ven sông suối, cây ưa sáng	
18	CT18/ BT25	Chò nhai, râm Kốc min mon	Cây gỗ lớn, thân thẳng, vỏ thân màu xám đen, nước dục cành non có lông tơ màu trắng. Lá đơn mọc đối dài 5-8cm, rộng 2-5cm Mọc trong rừng thường xanh hoặc nửa rụng lá, cây ưa sáng sinh trưởng nhanh	
19	CT2/ BT4	Tôm mloxrê Sổ đất	Cây bụi thấp dưới 1m, cành non có phủ lông, lá đơn hình trứng ngược đầu lá to, lá dài 30cm, mép lá có răng cưa, Hoa thành cụm màu vàng mẫu 5. Quả mập nhỏ. Cây mọc nhiều dưới tán rừng khộp nơi ẩm nhiều ánh sáng,	
20	CT1/ BT38	Tôm kung Sổ 5 nhụy	Cây gỗ nhỏ, vỏ nhẵn màu xám tro, bong mỏng. Lá đơn mọc cách, dài 20-50cm, rộng 10-20cm, đầu lá nhọn hình nêm, mép lá có răng thưa nhọn. Hoa lưỡng tính, màu vàng, Quả gần hình cầu, khi chín màu vàng. Phân bố trong khộp hay bán thường xanh, ưa sáng	
21	CT1/ BT22	Tôm cà chít Cà chít, cà chắc	Cây cao 20-30m, nhánh to thường cong queo, lá đa hình dài. Hoa chùm, cánh hoa màu trắng, quả hình bầu dục 3 cánh dài, 2 cánh ngắn, khi chín màu vàng nhạt Cây mọc khá nhiều ở rừng khộp	





TT	Mã số	Tên cây	Đặc điểm hình thái và phân bố	Hình ảnh
22	CT3/ BT6	Tơm bôm Thị mâm	Cây gỗ trung bình, vỏ thân màu xám trắng nứt dọc, vị chát . Lá đơn mọc cách hình trứng hoặc hình bầu dục dài. Hoa đơn tính mọc thành cụm hình sim mẫu 4, Quả hình bầu nhẵn đường kính 3 cm, có 4 lá đài. Phân bố nhiều trong rừng khộp, ưa sáng, chịu hạn	
23	CT1/ BT5	Tơm. Nhênxrê Đỏm	Cây gỗ nhỏ, vỏ ngoài đen xám, thịt vỏ màu vàng nhạt. Lá đơn mọc cách, gốc tròn đỉnh tù, mặt dưới màu xám bạc. Cụm hoa hình xim mọc ở nách lá, hoa đơn tính, lá đài 5 hình tam giác màu hồng. Quả hạch tròn Phân bố trong rừng khộp và nửa rụng lá	
24	CT2/ BT5	Kốc mạc khom Côm Bắc bộ	Cây gỗ nhỏ cao 7-8m, lá đơn mọc cách, góc lá nhọn không lông, mép lá có răng cưa nhỏ. Hoa tạp tính màu trắng, Quả hình bầu dục Phân bố rải rác trong rừng Khộp và rừng rộng thường xanh, cây ưa ẩm.	
25	CT1/ BT7	Tơm ngâu bamxrê Phèn đen	Cây bụi cao 1,5m, thân không lông, lá có dạng xoan, mặt dưới bạc, cuống ngắn, vỏ thân màu nâu nhạt. Hoa mọc đơn độc ở nách lá, hoa nhỏ. Quả nang, hình tròn Cây mọc ở ven rừng hay đường đi quanh Buôn	



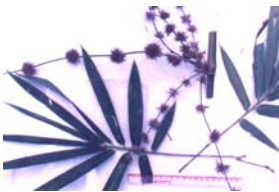

TT	Mã số	Tên cây	Đặc điểm hình thái và phân bố	Hình ảnh
26	CT2/ BT9	Kốc Hang nam Thổ mật	Cây gỗ nhỏ, vỏ ngoài đen xám nứt dọc sâu thệt vỏ màu vàng nhạt, lá đơn mọc cách thuôn, góc tròn đỉnh tù dài 9-16cm, rộng 3-6cm mặt dưới màu xám bạc, Quả hạch tròn. Phân bố hầu khắp trong rừng khộp	
27	CT2/ BT41	Kốc mạc kham bon Me rừng	Cây gỗ nhỏ. Lá đơn mọc cách xếp thành 2 hàng giống như kép lông chim. Hoa đơn tính, nhỏ tập trung thành xim ở nách lá. Quả hình cầu màu xanh mọng nước. Mọc rải rác trong rừng khộp, nương rẫy	
28	CT2/ BT45	Sấp pải Ba đậu cuống dài	Cây bụi nhỏ, lá đơn mọc cách, cuống lá có tuyến, có lá kèm. Hoa đơn tính cùng gốc. Cụm hoa bông đuôi sóc, dài 2-5 cánh, tràng rời 5 cánh, quả nang khi khô nứt thành 3 mảnh. Cây phân bố ở rừng khộp, nửa rụng lá, mọc	
29	CT2/ BT20	Kốc kết lin Tràng quả	Cây bụi nhỏ từ 1.5-2m, thân và cành nhẵn, lá có 3 lá chét, 2 lá bên nhỏ hơn lá giữa, mặt trên nhẵn, mặt dưới màu vàng có lông ngắn. Cây mọc phổ biến trong rừng thưa rừng nửa rụng lá	
30	CT1/ BT30	Kốc pa dong Cắm lai đen	Cây gỗ lớn, vỏ thân màu xám trắng, có nốt sần sùi, lá kép lông chim lẻ mọc cách, cụm hoa hình chùy, hoa màu trắng vàng, quả đậu mỏng, có 1-2 hạt. Cây phân bố trong rừng nửa rụng lá, rừng thưa, là loài cây ưa sáng	






TT	Mã số	Tên cây	Đặc điểm hình thái và phân bố	Hình ảnh
31	CT1/ BT34	Pa dong khô Trắc leo	Dây leo thân gỗ dài từ 15-20m có nhánh mấu hay gai nhọn, nhánh non có lông nâu mịn, lá kép lẻ . Quả đậu mép quả dẹp lại thành cánh, có 2-3 hạt. Phân bố trong rừng thường xanh, bò bám trên các cây gỗ khác, chịu bóng	
32	CT2/ BT39	Sấm păn tượng Biếc tràng	Cây dạng cỏ đứng, có rễ phù thành củ, cây sống lâu năm, nhánh không lông tròn. Lá kép 3 lá chét, lá chét dày cứng. Quả đậu dài 3-4cm. Cây phân bố rộng rãi trong rừng thưa cây	
33	CT1/ BT11	Tơm agăy Biển hướng	Cây bụi thân có cạnh, lúc non có lông về sau không lông, lá kép 3 lá chét. Chùm tụ tán dài ở ngọn và nách lá, hoa màu vàng, trái xoan dẹp có một hạt. Mọc nhiều trong rừng khộp, ven đường, bờ ruộng, ưa sáng	
34	CT1/ BT2	Tơm cấp Bồ quân	Cây gỗ nhỏ, thân có gai đơn, lá đơn mọc cách, mép lá có răng cưa nhỏ. Hoa mọc chùm ở nách lá, hoa đơn tính, quả hạch hình trái xoan, màu đỏ, hạt nhiều và nhỏ. Rãi rác trong rừng khộp, ven suối và sông Sêrêpốc	
35	CT2/ BT37	Kốc phát Ca điên Thủy lệ	Thân thảo, mọc nước, lá mọc cách phiến thon dẹp, không lông, cuống dài 1-2mm không có lá kèm, quả nang 4-5mm. Cây phân bố ven bờ ruộng, nơi ẩm ướt dưới nước trong rừng khộp,	





TT	Mã số	Tên cây	Đặc điểm hình thái và phân bố	Hình ảnh
36	CT1/ BT42	Tơm rơ nghen Thành nạngh	Cây gỗ nhỏ thân có nhựa mủ màu nâu vàng. Lá đơn mọc gần đối, lá non có màu đỏ hình trái xoan. Hoa chùm ở nách lá có lông, cánh hoa màu hồng. Quả nang, hạt có cánh. Cây phân bố trong rừng khộp, rừng chuyển tiếp	
37	CT37/ BT18	Kơ nia, cây cây Kốc póc	Cây gỗ lớn, thường xanh. Lá đơn mọc cách hình trái xoan, lá non màu tím nhạt. Cụm hoa mọc ở nách lá, quả hình trái xoan, 1 hạt ăn được. Cây mọc rừng thường xanh nửa rụng lá	
38	CT2/ BT40	Tơm bôn Bời lời nhớt	Cây gỗ nhỏ vỏ có nhựa dính, cành non xanh. Lá đơn mọc cách hình trái xoan, vò lá có mùi thơm. Hoa đơn tính. Quả mập hình cầu. Phân bố rải rác ven sông suối, rừng bán thường xanh hay thường xanh	
39	CT2/ BT7	Tơm. sirít Gối hạt	Cây bụi cao 2m, lá kép 2 lần lá chét mọc đối nhám lá bẹ cao 3cm. Hoa mọc ở ngọn, hoa nhỏ, có lông mịn, màu đỏ. Quả có cánh, hình cầu màu đen Cây phân bố rải rác trong rừng khộp, ven khe suối	
40	CT1/ BT28	Tơm nam phan Tóc tiên	Dây leo cao phân cành nhiều, thân xanh bóng nhẵn có gai, cành mảnh có rãnh, lá hình kim, cụm hoa gồm nhiều hoa, màu trắng. Quả mỏng màu trắng hình cầu, hạt tròn. Mọc dưới tán rừng khộp hay rừng bán thường xanh, ven sông suối,	





TT	Mã số	Tên cây	Đặc điểm hình thái và phân bố	Hình ảnh
41	CT41/ BT25	Bằng lăng ổi Tơm khoair	Cây gỗ lớn, thân có bạnh vè, vỏ mỏng giống vỏ ổi màu xám hồng. Lá đơn nguyên mọc đối. Quả nang hình trứng dài 7-8 mm Phân bố trong rừng nửa rụng lá và ven sông suối.	
42	CT1/ BT31	Kốc tum ca Mã tiền cam	Cây gỗ nhỏ, cây phân cành thấp, vỏ thân màu xám nhạt, lá đơn mọc đối gần hình tròn. Hoa mọc thành cụm ở đầu cành. Quả mọng to như quả cam. Cây ưa sáng phân bố trong rừng khộp và, nửa rụng lá, cây chịu bóng một phần.	
43	CT1/ BT10	Kốc nhạ khách Chối đực	Là loại cây bụi hoa màu vàng lá đơn mọc cách chim ,cây cao 0,5-1m Cây mọc rải rác quanh buôn ,lề đường đi ,bờ ruộng	
44	CT2/ BT10	Tơm knot Duối nhám	Cây nhỏ, lá hình răng cưa, nhọn dần về đầu ,lá đơn mọc cách hai mặt nhám, thân màu trắng, cây gỗ nhỏ cao 5m-7m Cây mọc rải rác trong rừng khộp, rừng nửa rụng lá	
45	CT2/ BT17	Kốc phác xí Sóng rấn	Cây gỗ lớn, vỏ dày màu xám nhạt. Lá kép lông chim 2 lần, mang 6-12 đôi lá chét. Cụm hoa hình chùy dài 20 cm, hoa lưỡng tính màu trắng không cuống. Quả đậu mỏng Cây ưa sáng, mọc rải rác trong rừng khộp, rừng chuyển tiếp.	




TT	Mã số	Tên cây	Đặc điểm hình thái và phân bố	Hình ảnh
46	CT1/ BT32	Pa đông khứa Dây hồ đăng	Dây leo bò hay leo lên cây, nhánh có rãnh, thân có lông ngắn, lá có phiến xoan tròn, gốc lá hình kim, có phủ lông mềm thưa, cụm hoa dạng chùm, 4 lá dài, quả nhân cứng, đẹp màu đỏ. Phân bố trong rừng khộp, nơi có nhiều ánh sáng	
47	CT1/ BT39	Tôm plai rờ vi Sung	Cây gỗ nhỏ thường xanh, có mủ trắng. Lá đơn mọc cách hình trái xoan thon, đầu lá mũi nhọn gốc hình nêm. Cụm hoa mọc trên thân. Quả phức dạng sung khi chín vàng đỏ Cây phân bố dọc các sông, suối quanh buôn.	
48	CT1/ BT45	Kốc lai môn Bàm bám tuyến	Dây leo hoá gỗ, lá kép lông chim 2 lần chẵn, gồm nhiều lá chét nhỏ, đầu lá có tuyến. Hoa mọc thành từng bông ở nách lá, màu trắng. Quả đậu gồm nhiều đốt, hạt hình cầu dẹt, Phân bố ở lùm bụi thấp, ven rừng nơi ẩm thấp trong rừng khộp	
49	CT1/ BT3	Kốc đeng Cắm xe	Cây gỗ lớn, thân màu xám vàng, lá kép lông chim hai lần chẵn, mang một đôi cuống cấp hai dài, lá chét hình trái xoan hay hình trứng. Hoa nở màu vàng nhạt, hợp thành hình đầu, quả đậu hoá gỗ Phân bố ở rừng nửa rụng lá hay rừng khộp	

TT	Mã số	Tên cây	Đặc điểm hình thái và phân bố	Hình ảnh
50	CT1/ BT46	Kốc đăm phi Lan đoản kiếm	Cây phong lan, mọc thành bụi, phiến lá hình dải dài, đầu lá chia thành 2 thùy tròn không đều nhau, bẹ màu vàng, cụm hoa chùy dài. Hoa màu đỏ nâu, có đốm trắng hồng, quả nang. Cây phân bố trong rừng rụng lá, nửa rụng lá	
51	CT1/ BT35	Tơm rtao Lạc tiên	Dây leo thân thảo, thân, lá phủ dày lông nhám. Lá đơn, mọc cách, thường có 3 thùy. Hoamọc ở nách lá, có tràng phụ do nhiều sợi kim dài tạo thành. Quả chín có màu vàng Cây mọc ở nơi ẩm thấp, bãi trống, ven suối	
52	CT2/ BT44	Tơm Ngê Le đen	Cây tre nhỏ mọc thành bụi cao từ 8-10m có lóng dài 15-35cm, bẹ lá ở thân nhiều lông. Lá hình thon dài, đầu nhọn đuôi tròn dài 12-20cm. Cây hay mọc ven suối, mọc thành đám thành rừng thuần loài nơi ẩm thấp	
53	CT1/ BT29	Tơm chứt Cốt bổ toái	Cây sống nhiều năm thân rễ bò, dọc thân có nhiều rỉ sắt, vảy hình ngọn giáo, lá ở gốc có tác dụng hứng bùn, lá dinh dưỡng có cuốn ngắn, có cánh xếp tận gốc, Cây sống phụ sinh trên các loài cây gỗ lớn, các bờ đá, nơi ẩm	

TT	Mã số	Tên cây	Đặc điểm hình thái và phân bố	Hình ảnh
54	CT2/ BT1	Kốc lom phúc Dành dành	Cây gỗ nhỏ ,cao 2-6 m, phân cành nhiều cành nhánh, lá hình trái xoan hay thon ngược, hoa tập trung đầu cành. Quả hình tròn vỏ quả bóng màu nâu hạt nhiều Cây phân bố trong rừng thưa cây họ dầu, là loài ưa sáng, tái sinh tốt	
55	CT1/ BT4	Tơm đô răng Dốt sành	Cây gỗ nhỏ, thân trơn có màu xám trắng nứt thâm mảnh nhỏ, lá đơn mọc đối hình trứng, lá kèm sớm rụng, hoa tập trung ở đầu cành. Quả hạch nhỏ khi chín có màu tím đen. Phân bố trong rừng khộp hơi ẩm.	
56	CT2/ BT13	Tơm tấm dốt Cà giam	Cây gỗ lớn vỏ màu xám, nứt nhẹ, thịt vỏ màu nâu. Lá đơn mọc đối hình trái xoan tròn. Hoa tự tập trung thành hình đầu ở đầu cành dài 5, tràng 5. quả khô hình cầu hạt màu vàng nhạt. Cây phân bố rải rác trong rừng khộp, ưa sáng, ưa ẩm.	
57	CT2/ BT36	Kốc sâm nghin Hồng bì	Cây bụi thấp toàn thân có mùi thơm, cành nhánh xanh, lá kép lông chim 1 lần lẻ, phiến lá hình trái xoan, gân lá lệch. Đầu và gốc lá nhọn. Quả hạch có mùi thơm Cây phân bố rải rác ở rừng khộp, trên núi có đá lẩn.	
58	CT1/ BT40	Kốc táp tau Gáo trắng	Cây gỗ nhỏ, thân xám trắng, nứt nhẹ, cành non vuông chữ thập, không có lông. Lá đơn mọc đối hình trứng ngược, cuống ngắn, lá kèm hình tai chuột, sớm rụng.Hoa tự hình đầu, có cuống dài mọc ở đầu cành. Quả nang, mang nhiều hạt. Phân bố rải rác trong rừng khộp.	

TT	Mã số	Tên cây	Đặc điểm hình thái và phân bố	Hình ảnh
59	CT1/ BT41	Tơm bra măng Găng nhung	Cây gỗ nhỏ cành mảnh, có lông, gai dài mọc đứng hay mọc ngang. Lá hình bầu dục ngược hình trái xoan. Hoa mọc đơn độc ở đầu cành màu trắng sữa. Quả mọng hình cầu có cánh dính ở đỉnh, nhiều hạt. Cây phân bố rải rác trong rừng khộp, các trảng cây bụi xung quanh buôn	
60	CT2/ BT27	Kốc mạc luộc Táo rừng lá nhỏ	Cây bụi nhỏ có khi bò trườn, thân cành có nhiều gai nhỏ, lá hình bầu dục, đầu lá hơi lệch, cụm hoa mọc ở nách lá hoa nhỏ, nhị 5, quả nhân cứng to 5-10mm Cây phân bố trong rừng khộp, các trảng cỏ cây bụi, là loài cây ưa sáng	
61	CT3/ BT17	Tơm dăm ong Nhãn rừng	Cây gỗ nhỏ, thịt vỏ màu trắng. Lá kép lông chim chẵn, mang 3-4 đôi lá chét. Hoa mọc chùm bởi các bông mọc trên nách lá của cành già. Hoa tạp tính màu vàng. Quả hạch cứng tròn, màu xanh. Cây phân bố rải rác trong rừng lá rộng, nửa rụng lá, ven suối	
62	CT1/ BT16	Kốc pịt kđăm Tháo kén đực	Cây bụi cao 1m, thân có thể bóc thành sợi. Lá đơn hình giáo dẹp mặt trên nhẵn, mặt dưới phủ lông. Cụm hoa hình xim, mọc ở nách lá gồm nhiều cuống ngắn, mang ít hoa màu đỏ hay tím. Quả nang hình trứng. Cây mọc rải rác trong rừng nửa rụng lá, ven suối ẩm.	

TT	Mã số	Tên cây	Đặc điểm hình thái và phân bố	Hình ảnh
63	CT1/ BT23	Kốc po pít Dó tròn	Cây bụi cao 2-5m vỏ có nhiều xơ sợi lá có phiến xoan rộng dài, đáy lá hình tròn bất xứng. Cụm hoa dạng tụ tán, có 2-3 hoa, cánh hoa xanh rồi đỏ. Quả vắn xoắn dài 3-4cm Cây phân bố rải rác ở rừng khộp, ven suối ẩm	
64	CT2/ BT33	Tơm dong Nam Kim cang	Là loài dây leo thân có gai nhọn, dây dài 6-7m, có phần rễ, củ ở dưới đất tản rộng, lá đơn có 3-5 gân gốc nổi rõ, có phần tua cuốn, hoa dạng tán ở nách lá, quả mập hình cầu. Cây phân bố rải rác ở rừng bán thường xanh và rừng khộp ẩm ven sông suối	
65	CT1/ BT37	Klôi bri Nhân trần	Cây thân thảo, cành non có phủ lông sau đó nhẵn. Lá mọc đối có cuốn ngắn hình mác, mép lá có răng. Hoa nhỏ màu tím mọc tụ tập thành hình đầu ở ngọn. Quả nang nhiều hạt nhỏ, Cây mọc ở các bãi đất trống, ven bờ ruộng, đường đi quanh buôn	
66	CT66/ BT26	Cò ke cuống dài Tơm Dong hãng	Cây bụi nhỏ cao 1m cành màu xám nâu, không lông, gốc rễ có mùi thơm. Lá hình trứng, đầu lá nhọn dần dài 8-10cm, rộng 5-6cm Phân bố rải rác rừng khộp, ven đường đi	

TT	Mã số	Tên cây	Đặc điểm hình thái và phân bố	Hình ảnh
67	CT67/ BT32	Bình linh Pa dong liêm	Cây gỗ trung bình, cành non vuông không lông. Lá kép mang 3 lá chét, lá chét hình trái xoan ngược. Hoa nhiều hợp thành chùy ở ngọn. Quả hạch hình cầu Cây mọc rải rác trong rừng kín lá rộng thường xanh và nửa rụng lá	
68	CT1/ BT43	Tơm Ajôr Địa liên	Cây thảo mọc sát đất, có củ mang từ 2-3 lá ,nằm dưới đất. Lá gần tròn, mặt trên nhẵn, mặt dưới có lông, mép lá mỏng. Cụm hoa không có cuống, hoa màu trắng tím Cây phân bố rải rác dưới tán rừng khộp nơi ẩm.	
69	CT2/ BT6	Kốc mậu Chòi mòi	Cây gỗ nhỏ, vỏ thân màu xám nâu, thân nứt dọc nhẹ, thịt vỏ màu hồng nhạt, lá đơn mọc cách phiến lá hình trái xoan dài 5-6 cm rộng 3-4 cm, nách lá nhiều hoa. Quả hạch nhỏ. Phân bố trong rừng khộp, rừng nửa rụng lá hoặc các trảng cây bụi	

Như vậy phần lớn các loài cây thuốc cộng đồng sử dụng phân bố rất gần gũi với buôn, chủ yếu trong sinh cảnh rừng khộp, một số loài phân bố ở rừng thường xanh, bán thường xanh, ven sông suối.

5.3 Lựa chọn các loài cây thuốc quan trọng để nhân rộng và bảo tồn

Trên cơ sở các loài cây thuốc đã tổng hợp được từ việc điều tra các bài thuốc tại cộng đồng ở phần trên việc xác định loài nào là quan trọng đối với cộng đồng, có giá trị cao trong các bài thuốc cần được bảo tồn và nhân rộng là vấn đề cần thiết, việc này cũng đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng của cộng đồng. Bằng phương pháp thảo luận nhóm cùng với những người hiểu biết về cây thuốc tại cộng đồng để xác định các loài cây thuốc cần phải bảo tồn và nhân rộng.

Chúng tôi đã sử dụng phương pháp sau:

Trước hết nhóm người dân đưa ra thảo luận các tiêu chí để xếp mức độ ưu tiên lựa chọn các cây thuốc, kết quả họ đã đề xuất các tiêu chí sau:

- Loài có giá trị chữa bệnh cao, có công dụng chữa các bệnh đặc biệt.

- Loài cây chữa được nhiều bệnh.
- Loài cây quan trọng đối với cộng đồng, được sử dụng làm thuốc phổ biến.
- Loài thuốc có khả năng buôn bán, kinh doanh trong tương lai.
- Loài cây thuốc hiện nay hiếm, tìm kiếm khó khăn, cộng đồng có nhu cầu bảo tồn và phát triển.
- Loài cây khi trồng chịu được hạn, chịu được lửa vào mùa khô.

Trên cơ sở các tiêu chí đã thống nhất ở trên, nhóm nghiên cứu đã ghi tên tất cả các cây thuốc lên card bằng tên địa phương và tên phổ thông ở mặt trước, cùng công dụng làm thuốc ở mặt sau sau đó chia thành 2 nhóm riêng biệt để xếp loại ưu tiên các loài theo 3 nhóm: quan trọng; trung bình; ít quan trọng việc chia nhóm cây thuốc được người dân cân nhắc kỹ các tiêu chí lựa chọn ở trên. Nhóm nghiên cứu đã tổng hợp những loài trùng nhau của 2 nhóm phân loại ở cấp độ chung là "quan trọng" kết quả đã lựa chọn được 17 loài cây thuốc quan trọng đối với cộng đồng, được cộng đồng đề xuất bảo tồn và nhân rộng, trình bày ở bảng 5:

Bảng 5: Các loài cây thuốc đề xuất bảo tồn và nhân rộng

Stt	CT/BT (cây thuốc/Bài thuốc)	Tên cây thuốc		Công dụng chính
		Phổ thông	Địa phương	
1	CT55/BT4	Dốt sành	Tôm đơ răng	Phụ nữ
2	CT23/BT5	Đỏm có cọng	Tôm nhênxrê	Phụ nữ, đau bụng
3	CT3/BT2	Bán tràng	Tôm trơn	Phụ nữ, thuốc bổ
4	CT2/BT2	Chè long	Kốc xe tanh	Phụ nữ, mất ngủ
5	CT15/BT9	Chân danh	Kốc Sám khoai	Phụ nữ
6	CT26/BT9	Thổ mật	Kốc hang nam	Phụ nữ sinh
7	CT44/BT10	Duối nhám	Tôm knot	Sốt rét
8	CT7/BT2	Đạt phước	Tôm tang tơi	Sốt rét, ho
9	CT40/BT28	Tóc tiên	Tôm nam Phan	Ho ra máu, dạ dày
10	CT4/BT21	Hà thủ ô	Khưa Pa Song	Thương hàn
11	CT64/BT23	Dó tròn	Kốc po pít	Đau bụng
12	CT65/BT33	Kim cang	Tôm dong Nam	Đau dạ dày
13	CT53/BT29	Cốt bổ toái	Tôm chứt	Sỏi thận
14	CT31/BT34	Trắc leo	Pa dong khô	Đau lưng, khớp
15	CT57/BT3	Hồng bì	Kốc sâm nghin	Mất ngủ, an thần
16	CT66/BT37	Nhân trần	Klôi bri	Mất ngủ, an thần
17	CT48/BT45	Bầm bầm tuyến	Kốc lai mơn	Rắn cắn

Các cây thuốc được cộng đồng lựa chọn trong bảo tồn và nhân rộng tại chỗ gồm 17 loài, họ rất mong muốn được phát triển, đây là nhu cầu và cũng là nguyện vọng của người dân địa phương, họ mong muốn các tri thức kinh nghiệm về sử

dụng cây thuốc dân gian của họ được bảo tồn và phát triển rộng rãi hơn, đặc biệt là việc truyền lại cho con cháu đời sau của họ.

6 Kết luận và kiến nghị:

6.1 Kết luận

Việc phát hiện và bảo tồn cây thuốc gồm 2 mặt bảo tồn tri thức bản địa cây thuốc và bảo tồn TNTN. Kết quả đã phát hiện được 46 bài thuốc với 69 loài cây thuốc thân gỗ và thân thảo từ cộng đồng tại Buôn. Tri thức bài thuốc, cây thuốc được sưu tầm là một loại hình tri thức bản địa rất quan trọng.

- Thành phần cây thuốc:

Qua nghiên cứu tìm hiểu các loại cây thuốc có mặt tại buôn, thành phần cây thuốc rất đa dạng, cây thân gỗ, thân thảo, dây leo...tất cả đã định danh được tên theo tiếng thường gọi của đồng bào Mnông, tên địa phương và khoa học xếp loại họ thực vật theo từng loài, xác định được những hình thái sơ bộ, sự phân bố của từng loài.

- Công dụng của từng loài:

Nhìn chung các loài cây thuốc có ý nghĩa thực tế trong đời sống cộng đồng trong việc chữa các loại bệnh thường gặp.

Bộ phận sử dụng: bộ phận sử dụng của các loài cây thuốc rất đa dạng lấy từ rễ, thân, lá..

- Cách pha chế sử dụng: các cây thuốc được sử dụng chủ yếu bằng cách nấu, sắc nước uống đặc biệt là các bài thuốc dùng cho phụ nữ sau khi sinh.

Các cây thuốc được lựa chọn để nhân rộng phù hợp với các tiêu chí đã đặt ra, phù hợp với nhu cầu của cộng đồng, tương lai các loài được lựa chọn bảo tồn có khả năng đem lại lợi ích cho cộng đồng.

6.2 Kiến nghị

- Đề nghị tiếp tục mở rộng nghiên cứu để phát hiện tất cả các loài cây làm thuốc tại cộng đồng, tiếp tục nghiên cứu kỹ đặc điểm hình thái và công dụng của chúng.
- Đối với các loài có giá trị cần đưa vào gây trồng, phải căn cứ vào điều kiện tự nhiên, đất đai phù hợp, có các biện pháp kỹ thuật tác động thích hợp phục vụ công tác bảo tồn
- Người dân cần có ý thức bảo vệ, nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của các loài cây thuốc tại cộng đồng.
- VQG Yok Đôn cần quan tâm giúp đỡ Buôn trong bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc.
- In ấn tài liệu về tài nguyên cây thuốc nhằm lưu truyền kiến thức văn hoá và giáo dục trong bảo tồn tài nguyên thiên nhiên
- Cần xây dựng vườn sưu tập cây thuốc tại buôn, tổ chức hội thảo, nâng cao nhận thức cho cộng đồng trong bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Tài liệu tham khảo

1. **Lê Mộng Chân** (1992): *Thực vật và thực vật đặc sản rừng. Trường Đại học Lâm nghiệp.*
2. **Phân viện điều tra qui hoạch rừng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên** (2000): *Thực vật Vườn QG Yor Đôn.*
3. **Đỗ Tất Lợi** (1991): *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. Nxb khoa học và kỹ thuật Hà Nội.*
4. **Vũ Tiến Dân** :*62 cây thuốc dân gian chữa bách bệnh*
5. **Nguyễn Văn Hải** :*Những bài thuốc hay dân tộc dân gian*
6. **Huyền Thị Thi** :*150 bài thuốc hay gia truyền giá trị*
7. **Nguyễn Đình Trọng** : *Những bài thuốc kinh nghiệm chữa bệnh phụ nữ*
8. **Trần Công khánh** (2000): *Cây thuốc dân tộc và vấn đề bảo tồn tri thức bản địa về cách sử dụng cây thuốc. Tạp chí dược học tháng 10/2000. Trường Đại học Dược Hà Nội.*

Phần phụ lục

Phụ lục 1: Kế hoạch chi tiết thực hiện đề tài:

Stt	Thời gian	Nội dung công việc	Vật liệu
1	Khi nhận đề tài	Chuẩn bị các công cụ, vật liệu, họp nhóm cần thiết.	Bảng biểu, Card, vật liệu cần thiết
2	từ tháng 9/2003-6/2004	Đi đến hiện trường, tiến hành nghiên cứu thực hiện đề tài.	Card, giấy A ₄ , A ₀ , bút viết...
3	Tháng 6/2004-8/2004	Xử lý, chỉnh sửa số liệu hoàn thành đề tài	
4	Tháng 9/2004	Báo cáo và nộp kết quả đề tài	Bảng báo cáo

Phụ lục 2: Danh sách nhóm sinh viên thực hiện đề tài:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị
1	Nguyễn Văn Thành	Nhóm trưởng	Lâm sinh K2000 - ĐHTN
2	Nguyễn Hoàng Thanh	Thành viên	Lâm sinh K2000 - ĐHTN
3	Đình Hoa Lĩnh	Thành viên	Lâm sinh K2000 - ĐHTN

Phụ lục 3: Danh sách người dân cung cấp bài thuốc, cây thuốc:

Stt	Họ và tên	Giới tính	Tuổi
1	Ma nha	Nam	43
2	Ma Hiêm	Nam	50
3	Ma Móc	Nam	45
4	Ma Phé	Nam	50
5	Ma Tiên	Nam	56
6	Y Nô	Nam	35
7	Y Nha	Nam	24
8	Ma Xí	Nam	55
9	Y Brôl	Nam	43
10	Me Phươi	Nữ	34
11	H Phan	Nữ	44
12	Ma Bầu	Nam	53
13	Ma Phên	Nam	63
14	Ma Hoan	Nam	48
15	Ma Đông	Nam	41

Phụ lục 4:

**PHIẾU ĐIỀU TRA
THU THẬP BÀI THUỐC, CÂY THUỐC DÂN GIAN**

1. Người được phỏng vấn:.....Nam/ nữ.....Tuổi.....
 2. Thành phần:.....
 3. Tên bài thuốc:.....
 4. Mô tả công dụng:.....
 5. Thành phần cây thuốc:.....
 - * Cây số 1:
 - Tên cây:.....
 - Mô tả công dụng:.....
 - Phần sử dụng:.....
 - Khối lượng:.....
 - Nơi thu hái:.....
 - * Cây số 2:
 - Tên cây:.....
 - Mô tả công dụng:.....
 - Phần sử dụng:.....
 - Khối lượng:.....
 - Nơi thu hái:.....
 - * Cây số 3:
 - Tên cây:.....
 - Mô tả công dụng:.....
 - Phần sử dụng:.....
 - Khối lượng:.....
 - Nơi thu hái:.....
 6. cách pha chế.....
 - 7.Cách sử dụng:.....
 8. Chi tiết khác:.....
.....
- Người điều tra :.....
- Ngày điều tra:.....

**PHIẾU MÔ TẢ
CÂY THUỐC DÂN GIAN TẠI BUÔN ĐRĂNG PHỐC**

1. Cây thuốc số:.....Bài thuốc số:.....
 2. Tên cây:
 - Tên địa phương:.....
 - Tên phổ thông:.....
 - Tên khoa học:.....
 3. Vị trí phân bố:.....
 4. Mô tả:
 - Dạng cây:.....
 - Vỏ:.....
 - Lá:.....
 - Hoa quả:.....
 5. Sinh cảnh xung quanh:
 - Loại rừng:.....
 - Các loài mọc chung:.....
 - Đất đai:.....
 - Mật độ:.....
 - Đặc điểm khác:.....
- Người điều tra:.....
- Ngày điều tra:.....

	Trang
1	Đặt vấn đề4
2	Tổng quan về vấn đề nghiên cứu5
3	Đối tượng nghiên cứu5
3.1	Đối tượng nghiên cứu cụ thể5
3.2	Tổng quan về khu vực nghiên cứu6
3.2.1	Điều kiện tự nhiên của khu vực nghiên cứu :6
3.2.2	Điều kiện KTXH của khu vực nghiên cứu :6
4	Mục tiêu – Nội dung và phương pháp nghiên cứu:7
4.1	Mục tiêu nghiên cứu và giới hạn của đề tài:7
4.1.1	Mục tiêu nghiên cứu:7
4.1.2	Giới hạn của đề tài:.....7
4.2	Nội dung nghiên cứu:7
4.3	Phương pháp nghiên cứu8
4.3.1	Phương pháp chung8
4.3.2	Phương pháp nghiên cứu cụ thể8
5	Kết quả nghiên cứu và thảo luận9
5.1	Lịch sử hình thành buôn Đrang Phốk9
5.2	Kết quả nghiên cứu các bài thuốc, cây thuốc10
5.2.1	Tổng hợp các bài thuốc theo nhóm bệnh10
5.2.2	Các bài thuốc đã phát hiện được10
5.2.3	Danh lục cây thuốc phát hiện được tại cộng đồng.19
5.2.4	Đặc điểm hình thái và sinh thái của các loài cây thuốc:.....21
5.3	Lựa chọn các loài cây thuốc quan trọng để nhân rộng và bảo tồn36
6	Kết luận và kiến nghị:39
6.1	Kết luận39
6.2	Kiến nghị39
	Tài liệu tham khảo40
	Phần phụ lục41